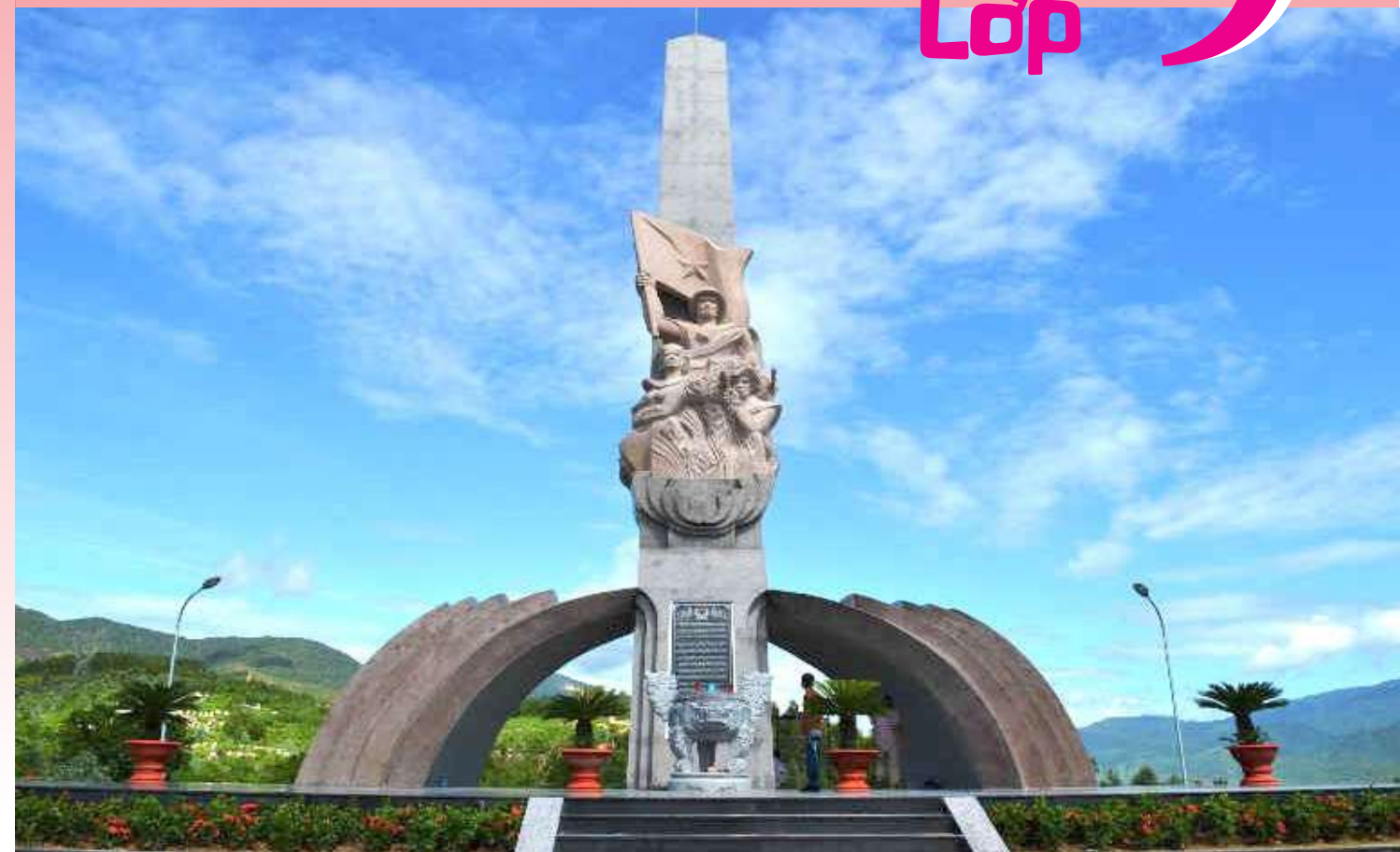




ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM

Lớp 9



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THÁI VIẾT TƯỜNG (Tổng Chủ biên) - NGUYỄN HOÀNG NAM (Chủ biên)
LÊ VĂN HIỆP - PHẠM THỊ THANH THU - NGUYỄN THỊ HƯƠNG
PHAN THỊ HỒNG PHƯỚC - NGUYỄN QUẬN - NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM - MAI THỊ HIỀN
HỒ VĨNH SANH - NGUYỄN THỊ LỆ HUYỀN - HUỲNH THỊ KIM THẢO - LÊ MINH THƠ
NGUYỄN THỊ MAI LIÊM - NGUYỄN THỊ NƯƠNG - ĐÀO THỊ LAN

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH QUẢNG NAM



Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng tài liệu



MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số hình ảnh, thông tin gợi mở về chủ đề bài học nhằm tạo tâm thế, hứng thú học tập cho học sinh.



KIẾN THỨC MỚI

Phần này bao gồm các nội dung kiến thức, hình ảnh minh họa, câu hỏi gợi ý giúp học sinh tìm hiểu, tiếp thu kiến thức mới.



LUYỆN TẬP

Nội dung luyện tập là các câu hỏi, bài tập thực hành để học sinh củng cố kiến thức, phát triển năng lực, phẩm chất.



VẬN DỤNG

Phần này gồm các bài tập tình huống, hoạt động trải nghiệm giúp học sinh vận dụng kiến thức vào thực tiễn học tập và đời sống.

*Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng
cho các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Giáo dục địa phương là môn học mới trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Mục tiêu chính của môn học là trang bị cho các em những hiểu biết về điều kiện tự nhiên, lịch sử, truyền thống văn hoá, kinh tế, xã hội, môi trường nơi các em sinh sống; bồi dưỡng cho các em tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của địa phương.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Nam lớp 9 được Sở Giáo dục và Đào tạo biên soạn gồm sáu chủ đề.

Ở mỗi chủ đề, hệ thống kiến thức được trình bày phù hợp với các hoạt động học tập để các em tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức mới. Từ đó, giúp các em luyện tập, thực hành vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống, góp phần phát triển các năng lực, phẩm chất.

Ngoài ra, tài liệu còn sử dụng các lược đồ, hình ảnh về hiện thực trong đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường tự nhiên, chân dung các nhân vật, sự kiện,... để bài học thêm sinh động, gần gũi; giúp các em hiểu rõ hơn về vùng đất và con người Quảng Nam trong tiến trình lịch sử.

Ban Biên soạn rất mong nhận được sự góp ý xây dựng của các em cùng quý bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Chúc các em vui khoẻ, học tập chăm ngoan, tiến bộ!

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	TRANG
1	QUẢNG NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NAY	5
2	DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ Ở TỈNH QUẢNG NAM	14
3	LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH QUẢNG NAM	21
4	ĐỊA LÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI, LOGISTICS VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG Ở QUẢNG NAM	31
5	MỘT SỐ NÉT ĐẶC TRƯNG TRONG VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI QUẢNG NAM	41
6	TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH QUẢNG NAM	49

QUẢNG NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN NAY

Mục tiêu

- Khái quát được sự ra đời và vai trò của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam.
- Nêu được thắng lợi của nhân dân Quảng Nam trong Cách mạng tháng Tám 1945, trong kháng chiến chống Pháp, trong kháng chiến chống Mĩ và trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.
- Có thái độ trân trọng đối với những thắng lợi của cha ông, từ đó có trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.



MỞ ĐẦU

Quảng Nam tự hào là một trong bốn tỉnh, Đảng bộ địa phương lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, giành chính quyền thắng lợi sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.



Hình 1.1. Nhân dân Quảng Nam xuống đường đấu tranh năm 1945 (Tranh vẽ).

Đây là tranh vẽ, thể hiện khí thế nổi dậy giành chính quyền của nhân dân Quảng Nam, do Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Nam lãnh đạo, trong mùa Thu cách mạng năm 1945. Vậy quá trình ra đời của Đảng bộ Quảng Nam như thế nào? Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945, cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước (1946 - 1975) ở Quảng Nam diễn biến ra sao và công cuộc đổi mới hiện nay trên quê hương Quảng Nam đạt được những thành tựu gì? Các em cùng tìm hiểu trong bài học này.



I. Quảng Nam trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945)

1. Sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam

Trên cơ sở tổ chức Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tháng 9 năm 1929, Đảng bộ Đông Dương Cộng sản đảng của tỉnh Quảng Nam được thành lập.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, căn cứ vào Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng, ngày 28-3-1930, tại Cây Thông Một (Hội An), Ban Chấp hành lâm thời Tỉnh ủy ra thông cáo về việc thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam. Tỉnh ủy lâm thời bấy giờ do Phan Văn Định làm Bí thư.



Hình 1.2. Các đảng viên Đảng Cộng sản năm 1930 tại cuộc tọa đàm nhân kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng (28-3-1930 – 28-3-1980). (Ảnh tư liệu)



Trình bày cơ sở dẫn đến sự ra đời của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam.

2. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam tháng Tám 1945

a. Bối cảnh lịch sử

Ngày 17-8-1945, căn cứ vào điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định phát động khởi nghĩa giành chính quyền trước khi nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương. Lệnh khởi nghĩa được phát đi trong đêm, nhấn mạnh “...hãy vũ trang bạo động giành chính quyền về tay nhân dân, hãy hy sinh vì Tổ quốc, xông vào chiếm lĩnh tòa Công sứ, tỉnh đường, các phủ huyện đường, các đồn binh, công thự..., bắt bọn bù nhìn tay sai và bảo an binh đầu hàng nạt khí giới cho cách mạng, diệt trừ bọn Việt gian phản quốc, giành toàn thắng về tay nhân dân”.

b. Những nét chính về khởi nghĩa giành chính quyền



Hình 1.3. Hình ảnh các đồng chí trong Ban bạo động khởi nghĩa giành chính quyền tại Quảng Nam - Đà Nẵng năm 1945 được trưng bày tại bảo tàng. Người đứng giữa là ông Lê Văn Hiến - Ảnh: TRƯỜNG TRUNG (chụp lại tư liệu)

Mở đầu cho khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam trong Cách mạng tháng Tám 1945 là thị xã Hội An.

3 giờ ngày 18-8-1945, dưới sự lãnh đạo của Ủy ban bạo động tỉnh, trực tiếp là đồng chí Võ Toàn (Võ Chí Công) đoàn quân khởi nghĩa từ ngoại ô rầm rập tiến về nội ô thị xã. Lực lượng quân khởi nghĩa bao vây đồn lính bảo an, lần lượt chiếm các công sở, bến tàu, nhà dây thép, viên tỉnh trưởng Tôn Thất Gián bị bắt giữ.

Đến sáng cùng ngày, một cuộc mít tinh quần chúng được diễn ra tại tỉnh đường, đại biểu Mặt trận Việt Minh tuyên bố xóa bỏ chính quyền bù nhìn thân Nhật, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hội An đã tạo điều kiện cho các phủ, huyện trong tỉnh nổi dậy giành chính quyền.

Chỉ sau hai ngày khởi nghĩa, nhân dân toàn tỉnh đã đánh đổ được chính quyền tay sai thân Nhật, thành lập chính quyền cách mạng. Quảng Nam trở thành một trong bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước.

c. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

- Nguyên nhân thắng lợi

Khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945 ở tỉnh Quảng Nam diễn ra và thắng lợi một cách nhanh chóng trước hết là nhờ sự lãnh đạo nhạy bén, kịp thời của Tỉnh ủy.

Khởi nghĩa thắng lợi ở Hội An đã tạo điều kiện cho các phủ, huyện trong tỉnh nổi dậy giành chính quyền.

Thắng lợi của quân Đồng minh đã tạo thời cơ thuận lợi cho nhân dân Quảng Nam tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền.

- Ý nghĩa lịch sử

Khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 thành công đã xóa bỏ ách thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến trên địa bàn tỉnh. Quần chúng nhân dân lao động trở thành những người làm chủ chính quyền, làm chủ vận mệnh quê hương, đất nước.

Thắng lợi nhanh chóng của khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam đã góp phần quan trọng vào sự thành công của cách mạng tháng Tám 1945 trên cả nước.



Trình bày những nét chính về khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam trong tháng 8 – 1945.

II. Những thắng lợi của quân, dân Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1946 - 1975)

1. Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954)

a. Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến.

Sau cách mạng tháng Tám, không khí cách mạng sôi nổi khắp nơi. Nhân dân tham gia vào các hoạt động chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm và xây dựng đời sống mới...

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch, nhân dân hăng hái thực hiện “ngày đồng tâm”, mỗi gia đình có một hũ gạo cứu đói. Với phong trào gây quỹ độc lập, trong “tuần lễ vàng” từ 16 đến 24-9-1945 nhân dân trong tỉnh đóng góp được 20kg vàng và hàng chục tấn sắt và đồng...

Phong trào tăng gia sản xuất diễn ra sôi nổi. Nhân dân giúp đỡ nhau về sức người và trâu bò để cày cấy hết diện tích. Nhiều địa phương khôi phục nghề truyền thống. Nhân dân Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc trồng nhiều dâu hai bên bờ sông Thu Bồn, Vu Gia. Nhân dân Thăng Bình trồng bông và kéo sợi...

Phong trào bình dân học vụ diễn ra khắp nơi, nhân dân học cả buổi trưa, buổi tối, có rất nhiều sáng kiến khắc phục khó khăn về giấy, bút, phấn, mực... Tiêu biểu là hai xã Lương Sơn và Kiến Tân của huyện Duy Xuyên. Ở đây có nhiều người đi học và kì kiểm tra đạt kết quả cao vì thế được chính phủ tặng cờ Diệt giặc dốt, xóa mù chữ. Trường Trung học Phan Châu Trinh được mở tại Hội An...

Bên cạnh đó, nhân dân nhân dân Quảng Nam gương cao khẩu hiệu “Đả đảo thực dân Pháp xâm lược” “Hy sinh hết thảy vì miền Nam”, hàng trăm thanh niên lên đường vào Nam chiến đấu.

Cuối 1946, nhân dân Quảng Nam hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, 8 giờ sáng ngày 20.12.1946 tiếng súng kháng Pháp nổ vang nội thành Đà Nẵng. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Đồng chí Phạm Văn Đồng thay mặt cho Trung ương Đảng và chính phủ đã biểu dương “So sánh với toàn quốc, mặt trận Đà Nẵng được liệt vào hạng đánh mạnh nhất và dẻo dai nhất”. Hơn một tháng chiến đấu, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã tiêu hao nhiều sinh lực địch, góp phần làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của quân Pháp.



Nhân dân Quảng Nam đã làm những gì để góp phần giải quyết những khó khăn của nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945?

b. Cuộc kháng chiến chống Pháp toàn dân, toàn diện.

Quảng Nam là địa bàn chiến lược quan trọng trong kháng chiến chống Pháp. Dưới sự chỉ đạo của Đảng, cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện ở Quảng Nam diễn ra sôi nổi.

Về kinh tế, thực hiện chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, mọi người dân hăng hái tăng gia sản xuất. Trong nông nghiệp, đã tiến hành chia công điền, giảm tô, hình thành các hình thức tương trợ, giúp nhau trong sản xuất nông nghiệp như vòng công, đổi công...; .Các nghề khác như nghề biển, nghề làm muối, trồng bông kéo sợi dệt vải phát triển nhanh.

Về chính trị, an ninh quốc phòng: Nhân dân hăng hái và hoạt động trong các đoàn thể quần chúng... Hầu hết thanh niên trai tráng tự nguyện gia nhập vào các đội tự vệ tập trung, dân quân du kích, lực lượng an ninh địa phương. Hàng nghìn thanh niên lên đường tòng quân nhập ngũ. Mỗi năm có hàng nghìn dân công vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ chiến trường. Nhiều người mang xác, đi bộ hàng tháng trời qua Ba Tơ, Giá Vụt (Quảng Ngãi) lên Kon Plông, Đắc Tô tiếp tế cho chiến trường Bắc Tây Nguyên; qua Đèo Le, Trung Phước, Đá Nhảy, Trung Man đến Đồng Xanh, Đồng Nghệ phục vụ chiến trường Hòa Vang - Đà Nẵng.

Về văn hóa - xã hội: cả hệ thống chính trị các cấp đều ra sức tổ chức “chống giặc đói”. Các lớp sơ học, bình dân học vụ, xóa nạn mù chữ được hình thành khắp các làng xã. Về giáo dục phổ thông, năm 1953 toàn tỉnh có 502 giáo viên và 39 500 học sinh. Mạng lưới y tế được củng cố và mở rộng, việc uống nước đun sôi, ăn dưa hai đầu, dùng thuốc nam chữa bệnh được nhân dân hưởng ứng. Phong trào thi đua về nếp sống văn minh, bài trừ mê tín dị đoan, bãi bỏ những tập tục lạc hậu, các hoạt động văn hóa văn nghệ diễn ra sinh động, phong phú, sôi nổi.



Hình 1.4. Tượng đài chiến thắng Bô Bô tại xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn, Quảng Nam

Về quân sự: Khắc phục những thiếu thốn về vũ khí, trang bị, bằng tinh thần yêu nước nồng nàn, với nhiều cách đánh địch mưu trí, quân dân Quảng Nam đã làm cho địch phải khiếp sợ. Ở Điện Bàn, riêng trong tháng 7-1951 ta đã diệt được 11 tháp canh. Phối hợp với hoạt động Đông Xuân trên chiến trường liên khu, ba tháng đầu 1953 nhân dân trong tỉnh đánh 208 trận. Đặc biệt Ngày 20-7-1954, quân dân Quảng Nam-Đà Nẵng làm nên chiến thắng Bô Bô góp phần chia lửa với chiến trường Điện Biên Phủ, để đi đến kết thúc cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc ta.



Nhân dân Quảng Nam đã thực hiện cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện như thế nào trong những năm 1946-1954?

2. Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1954 - 1975). Âm mưu thủ đoạn của đế quốc Mĩ và những thắng lợi tiêu biểu của ta.

- Giai đoạn 1954 – 1960:

Đầu năm 1955, sau khi đặt được bộ máy cai trị ở miền Nam, Mĩ - Diệm tiến hành chính sách “ Tổ cộng”, “ Diệt cộng”.

Chúng liên tiếp gây ra các vụ tàn sát hàng loạt đồng bào ở Hà Lam - Chợ Được (Thăng Bình), Chiên Đàn (Tam Kỳ), Cây Cốc (Tiên Phước)... Truy tìm, khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ, gây ra nhiều cái chết trên sông Thu Bồn, Vu Gia, đập Vĩnh Trinh (Duy Xuyên),...

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy Quảng Nam đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ngày 13/3/1960 tại làng Ông Tía (Phước Trà, Hiệp Đức).

Cuộc khởi nghĩa nổ ra đã gây tiếng vang lớn trong nhân dân, củng cố lòng tin vào đường lối của Đảng, động viên tinh thần tiến công địch của cán bộ, nhân dân.

- Giai đoạn 1961 - 1965:

Giữa năm 1961, Mĩ củng cố bộ máy hành chính, tăng cường quân chủ lực và triển khai lực lượng chiếm giữ. Hệ thống các cụm cứ điểm chiến lược của Mĩ và quân đội Sài Gòn được xây dựng từ đèo Hải Vân theo chân dãy Trường Sơn đến tây nam Tam Kỳ, tạo thành một tuyến phòng thủ thông suốt.

Quân đội Sài Gòn có cố vấn Mĩ chỉ huy, tổ chức các cuộc hành quân càn quét vào vùng giải phóng, dồn dân lập ấp chiến lược. Tính đến cuối năm 1962, chúng lập được 200 ấp chiến lược ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Giữ vững thế tiến công, Tỉnh ủy Quảng Nam tiếp tục chỉ đạo, các lực lượng vũ trang đánh địch, giành quyền làm chủ ở thôn Từ Mỹ (xã Kỳ Sanh, Tam Kỳ), giải phóng xã Tiên Lãnh, Tiên Ngọc (Tiên Phước). Chiến thắng có ý nghĩa là ngọn cờ đầu của thời kỳ giải phóng nông thôn, đồng bằng trong tỉnh.

- Giai đoạn 1965 - 1968:

Hè năm 1965, quân Mỹ đổ bộ vào Chu Lai. Chúng tiến hành xây dựng căn cứ Chu Lai, đồng thời triển khai lực lượng chiến đấu, mở nhiều cuộc càn quét nhằm tạo vành đai để bảo vệ căn cứ.



Hình 1.5. Tượng đài chiến thắng Núi Thành tại xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

Ngày 26/5/1965, quân dân Quảng Nam đã tiến công diệt gọn đại đội quân Mĩ đóng tại Núi Thành. Chiến thắng Núi Thành đã xóa tan tư tưởng sợ Mỹ nêu quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mĩ trên toàn miền Nam.

Với chiến công này, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tặng quân và dân tỉnh Quảng Nam lá cờ thêu 8 chữ vàng “*Trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mĩ*”.

- Giai đoạn 1969 - 1975:

Từ năm 1969 Mỹ rút dần quân tham chiến về nước, chúng tăng cường quân đội Sài Gòn để thay thế quân Mỹ. Cùng với đó là chính sách bình định, Quảng Nam là một trong những địa bàn trọng điểm trong kế hoạch “bình định nông thôn”, của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Năm 1973, tại chiến trường Quảng Nam - Quảng Đà, chỉ hai giờ sau khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã tập trung càn quét các vùng tây Duy Xuyên, vùng B Đại Lộc và các vùng tranh chấp giữa hai bên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương và sự chỉ đạo của Thường vụ Khu ủy Khu V, tiếp theo chiến thắng Nông Sơn – Trung Phước, ngày 29/7/1974, phối hợp cùng bộ đội chủ lực Quân đoàn II, quân dân Quảng Nam tiến công, giành thắng lợi ở Thượng Đức (Đại Lộc) đã mở toang “Cánh cửa thép” của địch án ngữ phía Tây Nam căn cứ quân sự khổng lồ Đà Nẵng.

Chiến thắng Thượng Đức có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần để Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.



Hình 1.6. Tượng đài chiến thắng Thượng Đức tại xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc, Quảng Nam.

Tiếp đó, ngày 10/3/1975, chiến thắng Tiên Phước đã cổ vũ toàn Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam giải phóng hoàn toàn thị xã Tam Kỳ (24/3/1975), tạo điều kiện thuận lợi để tiến tới giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3/1975).



Quan sát hình ảnh (1.4; 1.5; 1.6), nêu những thắng lợi của quân dân Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ (1954-1975). Thắng lợi nào làm em ấn tượng nhất? Vì sao?

III. Quảng Nam trên con đường đổi mới và phát triển (1986 - 2020)

1. Mười năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1996).

Những năm đầu của thời kì đổi mới, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương có sự chuyển biến tích cực.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm khu vực nông nghiệp, tăng khu vực công nghiệp và dịch vụ. Lĩnh vực văn hóa - xã hội – y tế - giáo dục có những nét phát triển mới. Công tác quốc phòng – an ninh của tỉnh được tăng cường và giữ vững.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 5,24%, trong đó hai năm 1994, 1995 đã vượt lên trên mức bình quân của cả nước (năm 1994: 9,8%; 1995: 11%). Các thành phần kinh tế có sự phát triển mạnh mẽ, góp phần giải quyết việc làm và tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

Những thành tựu đạt được trong mười năm đổi mới đã tạo cơ sở và tiền đề để thực hiện mục tiêu đưa Quảng Nam cơ bản thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.



Nêu những thành tựu quan trọng của Quảng Nam trong 10 năm đầu đổi mới? Ý nghĩa của những thành tựu đó?

2. Tiến hành Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa (1997 đến nay).

Xuất phát là tỉnh nghèo, Quảng Nam đã lựa chọn con đường đột phá công nghiệp để tạo động lực bứt phá phát triển.



Hình 1.7. Khu kinh tế mở Chu Lai và cảng Kỳ Hà.

Từ khu công nghiệp (KCN) Điện Nam – Điện Ngọc (2000) và khu Kinh tế mở Chu Lai (2003), đến nay (2022) Quảng Nam có 14 khu công nghiệp đang triển khai hoạt động. Sự phát triển của các KCN, cụm công nghiệp (CCN) làm thay đổi diện mạo và quy mô công nghiệp, tạo chuyển biến tích cực trong cơ cấu kinh tế Quảng Nam giai đoạn 1997 - 2022.

Công nghiệp - xây dựng từ 19% lên 34,7%; dịch vụ từ 31% lên 32,8%; nông nghiệp từ 50,5% giảm xuống còn 14,1%.

Phần lớn dự án đầu tư vào các KCN tỉnh đều có công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại. Sản phẩm có chất lượng và khả năng cạnh tranh cao so với các mặt hàng sản xuất trong và ngoài nước, góp phần đưa kinh tế Quảng Nam phát triển, xếp vị trí thứ 2 trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vị trí thứ 31/63 tỉnh, thành phố cả nước về tốc độ tăng trưởng năm 2021.

Hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt là sau 25 năm tái lập tỉnh, từ một địa phương nghèo, thuần nông, thu nhập thấp, đến nay, Quảng Nam đứng vào hàng ngũ các tỉnh phát triển khá trong khu vực và cả nước. Đời sống nhân dân được cải thiện, bộ mặt quê hương ngày càng khởi sắc.



Vì sao Quảng Nam lựa chọn con đường đột phá công nghiệp để tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa? Những thành tựu tiêu biểu của nhân dân Quảng Nam khi tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1997 - 2022).

LUYỆN TẬP

1. Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam trong tháng 8 – 1945.

2. Lập bảng về các sự kiện tiêu biểu của nhân dân Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ từ 1946 -1975 theo mẫu sau:

Thời gian	Sự kiện	Ý nghĩa

VẬN DỤNG

Tìm hiểu một thành tựu kinh tế trong công cuộc đổi mới tại địa phương nơi em sinh sống hoặc em biết để chứng tỏ Quảng Nam là nơi tiến hành công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1997 - 2022).

DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm cơ bản về dân số và phân bố dân cư ở Quảng Nam.
- Nêu được ảnh hưởng của đặc điểm dân số và phân bố dân cư đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.
- Sử dụng được lược đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để nhận xét, phân tích về đặc điểm dân số và phân bố dân cư.
- Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số của tỉnh.
- Có nhận thức đúng và hành động phù hợp đối với một số vấn đề liên quan đến dân số, dân cư ở địa phương.



MỞ ĐẦU

Quảng Nam là tỉnh có điều kiện tự nhiên phân hóa đa dạng và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú. Đây cũng là tỉnh duy nhất của Việt Nam có hai di sản văn hóa thế giới, đặc biệt có khu kinh tế mở Chu Lai – khu kinh tế mở đầu tiên của nước ta. Các yếu tố này cũng đã có nhiều ảnh hưởng đến đặc điểm dân số và sự phân bố dân cư của tỉnh.



Em đã biết gì về dân số và tình hình phân bố dân cư tỉnh Quảng Nam?



KIẾN THỨC MỚI

1. Dân số và gia tăng dân số

Năm 2022, số dân Quảng Nam là hơn 1 519 nghìn người; đứng thứ 19 trong 63 tỉnh, thành phố cả nước; đứng thứ 3 trong 14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (chỉ sau nghệ An, Thanh Hóa).

Bảng 1. Quy mô dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của Quảng Nam giai đoạn 1999- 2022

Năm	1999	2009	2019	2022
Quy mô dân số (nghìn người)	1 373,7	1 423,0	1 497,5	1 519,4
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (%)	1,64	1,08	0,98	0,85

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới biến động dân số là do gia tăng tự nhiên. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số có sự khác nhau theo thời gian.

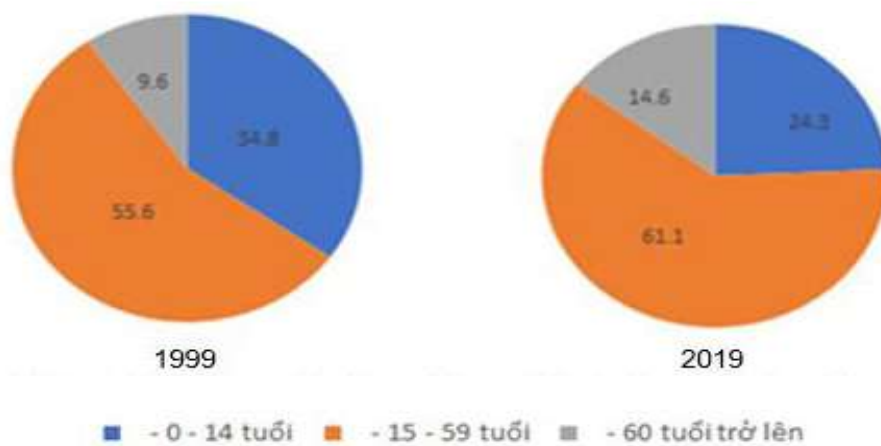


Dựa vào bảng 1 và thông tin mục 1, hãy:

- Nhận xét về tình hình gia tăng dân số của tỉnh ta?
- Cho biết những tác động của gia tăng dân số tới đời sống và sản xuất của nhân dân trong tỉnh ?

2. Cơ cấu dân số

a) Cơ cấu dân số theo tuổi:



Hình 2.1. Biểu đồ cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Quảng Nam năm 1999 và năm 2019

Quảng Nam là tỉnh có cơ cấu dân số trẻ và đang có sự thay đổi theo hướng già hóa: Tỷ lệ người dưới tuổi lao động giảm; tỷ lệ người trong và trên độ tuổi lao động tăng, trong đó tỷ lệ người trong độ tuổi lao động tăng nhanh.



1. Dựa vào hình 1 và thông tin mục 2a, nêu nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của tỉnh Quảng Nam.

2. Vì sao cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của tỉnh ta có sự thay đổi như vậy?

b) Cơ cấu dân số theo giới tính:

Bảng 2. Cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Quảng Nam qua các năm (%)

Năm \ Giới tính	1999	2009	2019	2022
Nam	48,4	48,8	49,2	49,4
Nữ	51,6	51,2	50,8	50,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Hiện nay, cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh Quảng Nam đang có sự thay đổi. Tỷ lệ nữ chiếm tỷ lệ cao nhưng có xu hướng giảm. Ở các địa phương trong tỉnh, cơ cấu dân số theo giới tính cũng có sự khác nhau.

Bảng 3. Dân số trung bình nam, nữ phân theo huyện/thị xã/thuộc tỉnh năm 2022

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Số dân (Nghìn người)		Cơ cấu (%)	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ
1	Thành phố Tam Kỳ	61 136	63 836	48,9	51,1
2	Thành phố Hội An	49 407	51 156	49,1	50,9
3	Huyện Tây Giang	10 644	9 841	52,0	48,0
4	Huyện Đông Giang	13 221	12 533	51,3	48,7
5	Huyện Đại Lộc	71 032	72 477	49,5	50,5
6	Thị xã Điện Bàn	112 617	117 474	48,9	51,1
7	Huyện Duy Xuyên	62 910	65 609	48,9	51,1
8	Huyện Quế Sơn	39 618	42 402	48,3	51,7
9	Huyện Nam Giang	13 734	13 129	51,1	48,9
10	Huyện Phước Sơn	13 697	13 266	50,8	49,2
11	Huyện Hiệp Đức	18 752	19 036	49,6	50,4
12	Huyện Thăng Bình	86 475	88 887	49,3	50,7
13	Huyện Tiên Phước	33 751	33 471	50,2	49,8
14	Huyện Bắc Trà My	21 434	20 541	50,8	49,2
15	Huyện Nam Trà My	16 443	15 481	51,5	48,5
16	Huyện Núi Thành	74 106	75 644	49,5	50,5
17	Huyện Phú Ninh	38 003	40 335	48,5	51,5
18	Huyện Nông Sơn	13 490	13 793	49,3	50,7
19	Toàn tỉnh	750 470	768 911	49,4	50,6

(Nguồn: Niên giám Thông kê Quảng Nam 2022, Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam)



Dựa vào các bảng: 2, 3 và thông tin mục 2b, hãy:

- Nhận xét và giải thích về sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới tính của tỉnh ta.
- Nhận xét về cơ cấu dân số theo giới tính ở các địa phương trong tỉnh.

3. Mật độ dân số và phân bố dân cư

a) Mật độ dân số:

Bảng 4. Mật độ dân số của tỉnh Quảng Nam và cả nước thời kỳ 1999 - 2022 (người/km²)

Năm	1999	2009	2019	2022
Quảng Nam	132	136	142	144
Cả nước	231	259	291	300

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Quảng Nam là tỉnh có mật độ dân số thấp so với mức trung bình của cả nước. Cùng với sự biến động của số dân qua các năm, mật độ dân số cũng biến động theo xu hướng tăng. Mật độ dân số có sự chênh lệch nhiều giữa các địa phương trong tỉnh.

Bảng 5. Diện tích, dân số và mật độ dân số năm 2022 các địa phương của tỉnh Quảng Nam phân theo huyện/thị xã/thuộc tỉnh

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Diện tích (Km ²)	Dân số trung bình (Nghìn người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
1	Thành phố Tam Kỳ	93,97	124,97	1 329,89
2	Thành phố Hội An	63,55	100,56	1 582,38
3	Huyện Tây Giang	913,68	20,49	22,43
4	Huyện Đông Giang	821,85	25,76	31,34
5	Huyện Đại Lộc	579,06	143,51	247,83
6	Thị xã Điện Bàn	216,33	230,09	1 063,61
7	Huyện Duy Xuyên	308,75	128,52	416,26
8	Huyện Quế Sơn	257,46	82,02	318,57
9	Huyện Nam Giang	1 846,60	26,86	14,55
10	Huyện Phước Sơn	1 153,34	26,96	23,38
11	Huyện Hiệp Đức	496,87	37,79	76,06
12	Huyện Thăng Bình	412,24	175,36	425,38
13	Huyện Tiên Phước	454,55	67,22	147,88
14	Huyện Bắc Trà My	846,99	41,98	49,56
15	Huyện Nam Trà My	826,38	31,92	38,63
16	Huyện Núi Thành	555,95	149,75	269,36
17	Huyện Phú Ninh	255,65	78,34	306,43
18	Huyện Nông Sơn	471,63	27,28	57,84
19	Toàn tỉnh	10 574,86	1 519,38	143,68

(Nguồn: Niên giám Thống kê Quảng Nam 2022, Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam)



Dựa vào các bảng: 4, 5 và thông tin mục 3a, hãy:

- So sánh đặc điểm mật độ dân số của tỉnh Quảng Nam với cả nước.
- Nhận xét và giải thích về mật độ dân số ở các địa phương trong tỉnh.

b) Phân bố dân cư:



Hình 2.2. Lược đồ mật độ dân số các địa phương của tỉnh Quảng Nam

Dân cư Quảng Nam phân bố không đều giữa các huyện, thị xã, thành phố, giữa miền núi và đồng bằng ven biển, giữa thành thị và nông thôn. Sự phân bố dân cư chưa hợp lí đã ảnh hưởng đến việc sử dụng lao động và khai thác tài nguyên của tỉnh.

Bảng 6. Tỷ lệ dân thành thị của tỉnh Quảng Nam và cả nước thời kỳ 1999 - 2022 (%)

Năm	1999	2009	2019	2022
Quảng Nam	14,9	18,5	25,4	26,8
Cả nước	23,6	29,7	35,1	37,6

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng do ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nhưng tỷ lệ tăng còn thấp và mức tăng vẫn còn chậm so với mức trung bình của cả nước. Loại hình cư trú nông thôn còn khá phổ biến, tuy nhiên tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng giảm từ 85,1 % năm 1999 xuống 73,2 % năm 2022.

Bảng 7. Dân số trung bình thành thị, nông thôn phân theo huyện/thị xã/thuộc tỉnh năm 2022

TT	ĐỊA PHƯƠNG	Số dân (Nghìn người)		Cơ cấu (%)	
		Thành thị	Nông thôn	Thành thị	Nông thôn
1	Thành phố Tam Kỳ	95 445	29 527	76,4	23,6
2	Thành phố Hội An	76 287	24 276	75,9	24,1
3	Huyện Tây Giang	0	20 485	0,0	100,0
4	Huyện Đông Giang	4 929	20 825	19,1	80,9
5	Huyện Đại Lộc	18 426	125 083	12,8	87,2
6	Thị xã Điện Bàn	97 190	132 901	42,2	57,8
7	Huyện Duy Xuyên	24 182	104 337	18,8	81,2
8	Huyện Quế Sơn	15 605	66 415	19,0	81,0
9	Huyện Nam Giang	7 932	18 931	29,5	70,5
10	Huyện Phước Sơn	7 730	19 233	28,7	71,3
11	Huyện Hiệp Đức	6 723	31 065	17,8	82,2
12	Huyện Thăng Bình	18 627	156 735	10,6	89,4
13	Huyện Tiên Phước	8 114	59 108	12,1	87,9
14	Huyện Bắc Trà My	7 723	34 352	18,4	81,6
15	Huyện Nam Trà My	0	31 924	0,0	100,0
16	Núi Thành	13 963	135 787	9,3	90,7
17	Huyện Phú Ninh	4 515	73 823	5,8	94,2
18	Huyện Nông Sơn	0	27 283	0,0	100,0
19	Toàn tỉnh	407 391	1 111 990	26,8	73,2

(Nguồn: Niên giám Thông kê Quảng Nam 2022, Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam)



Dựa vào hình 2, các bảng: 6, 7 và thông tin mục 3b, hãy nêu nhận xét về:

- Mật độ dân số và đặc điểm phân bố dân cư ở các địa phương của tỉnh Quảng Nam.
- Tỷ lệ dân thành thị của tỉnh Quảng Nam so với cả nước.
- Tỷ lệ dân thành thị và dân nông thôn ở các địa phương trong tỉnh.

EM CÓ BIẾT?

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 727/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập các phường thuộc thị xã Điện Bàn và thị trấn Trung Phước thuộc huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Với việc thị xã Điện Bàn có thêm 5 phường được thành lập gồm: Điện Thắng Bắc, Điện Thắng Trung, Điện Thắng Nam, Điện Minh, Điện Phương với tổng số dân là 50 390 người và thị trấn Trung Phước thuộc huyện Nông Sơn có quy mô dân số 11 466 người thì số dân thành thị của tỉnh Quảng Nam tăng 61 856 người. Tính sơ bộ, khi thi hành Nghị quyết 727/NQ-UBTVQH15 thì tỉ lệ dân thành thị của thị xã Điện Bàn là 64,1%; của huyện Nông Sơn là 42,0% và của tỉnh Quảng Nam là 30,9%.

LUYỆN TẬP

1. Dựa vào bảng 1, vẽ biểu đồ thể hiện tình hình gia tăng dân số của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 1999 – 2022. Nêu nhận xét về tình hình gia tăng dân số của tỉnh ta trong giai đoạn trên.
2. Dựa vào bảng 2, hãy tính tỉ số giới tính của tỉnh Quảng Nam năm 1999, 2009, 2019, 2022. Rút ra nhận xét.
3. Trình bày tình hình phân bố dân cư và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Quảng Nam.
4. Dựa vào bảng 5, hãy cho biết địa phương em đứng thứ mấy về số dân, diện tích và mật độ dân số trong các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh ta?

VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu, sưu tầm, tổng hợp thông tin thực hiện viết bài và thực hành giới thiệu trước lớp về tình hình dân số ở địa phương em (huyện, thị xã, thành phố). Theo em, cần có những giải pháp nào để phát huy những thuận lợi và khắc phục khó khăn (nếu có) từ đặc điểm dân số ở địa phương?
2. Tổ chức thảo luận trong lớp về chủ đề:
 - Cơ cấu dân số và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương em.
 - Phân bố dân cư và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương em.

LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Nhận biết được những nét khái quát về lễ hội truyền thống ở Quảng Nam.
- Trình bày được những nét cơ bản về một số lễ hội truyền thống tiêu biểu: Lễ hội Mừng lúa mới, Lễ hội Cầu ngư, Lễ hội Rước cộ Bà chợ Đước”.
- Nêu được một số biện pháp mà tỉnh Quảng Nam đã thực hiện để giữ gìn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống ở địa phương.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần giữ gìn và phát huy giá trị của lễ hội truyền thống ở địa phương.



MỞ ĐẦU

Quan sát các hình ảnh sau:



Hình 3.1



Hình 3.2



Hình 3.3



Hình 3.4



Mỗi lễ hội truyền thống trong các hình ảnh trên thuộc vùng miền nào ở tỉnh Quảng Nam? Em thử gọi tên những lễ hội truyền thống đó.



1. Vài nét khái quát về lễ hội truyền thống ở tỉnh Quảng Nam

Lễ hội truyền thống ở Quảng Nam là một trong các loại hình di sản văn hóa phi vật thể của địa phương, ra đời từ cuộc sống lao động, sinh hoạt có tính cộng đồng của người dân, từ sự giao thoa của các yếu tố cảnh quan môi trường và sự hội nhập văn hoá. Từ miền núi, trung du đến đồng bằng ven biển, vùng miền nào của Quảng Nam cũng đều sở hữu những lễ hội với nét đặc trưng riêng. Tại các lễ hội, nhiều loại hình văn hóa dân gian được thể hiện: văn học dân gian, âm nhạc, nghệ thuật tạo hình, kiến trúc, phong tục, tín ngưỡng. Qua lễ hội truyền thống, người Quảng Nam giao lưu văn hóa, trao truyền những đạo lý, phong tục tập quán và những khát vọng cao đẹp.

Lễ hội truyền thống Quảng Nam có một số loại hình tiêu biểu sau:

- Lễ hội liên quan đến sản xuất nông nghiệp: Lễ hội Mừng lúa mới của đồng bào dân tộc thiểu số, Lễ hội Hiến sinh trâu của người Co, Lễ hội Cầu bông (Hội An),...
- Lễ hội liên quan đến sản xuất lâm nghiệp: Lễ hội cúng rừng của người Cơ Tu, Lễ hội xả trái lòn bon (Đại Lộc), Lễ hội khai sơn (Quế Sơn), ...
- Lễ hội liên quan đến sản xuất ngư nghiệp: Lễ hội cầu ngư của cư dân vùng biển, Lễ vía Thiên Hậu (Hội An),...
- Lễ hội liên quan đến ngành nghề thủ công: Lễ hội Bà chúa Tầm Tang (Duy Xuyên), Lễ hội giỗ tổ nghề đúc đồng Phước Kiều (Điện Bàn), ...
- Lễ hội mang tính chất tín ngưỡng: Lễ hội Bà Thu Bồn của cư dân ven sông Thu Bồn, Lễ hội Rước cộ Bà chợ Đước (Thăng Bình), Lễ hội Đình Chiên Đàn (Phú Ninh)...
- Lễ hội trong sinh hoạt: Lễ hội Tết Nguyên đán của người Kinh, Lễ hội Tết Nguyên tiêu (Hội An), ...

Lễ hội truyền thống ở Quảng Nam đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần, tâm linh của cộng đồng cư dân; góp phần quan trọng trong việc hình thành, củng cố và phát triển sự cố kết cộng đồng. Ngày nay, lễ hội truyền thống ở Quảng Nam còn là cơ hội để địa phương quảng bá các giá trị văn hóa, hướng đến phát triển du lịch cộng đồng.



Hình 3.5. Lễ hội Tết Nguyên tiêu ở phố cổ Hội An



1. Trình bày những nét chính về sự hình thành, đặc điểm, ý nghĩa của các lễ hội truyền thống Quảng Nam.

2. Lễ hội truyền thống ở Quảng Nam có những loại hình nào? Kể tên một số lễ hội truyền thống tương ứng với mỗi loại hình.

EM CÓ BIẾT?

Những lễ hội ở Quảng Nam được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia:

TT	Tên lễ hội	Thời gian được ghi danh
1	Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được	19-12-2014
2	Lễ hội Bà Thu Bồn	30-9-2020
3	Lễ hội Bà Phường Chèo	30-9-2020
4	Lễ hội Tết Nguyên tiêu	02-02-2023

2. Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu ở tỉnh Quảng Nam

2.1. Lễ hội Mừng lúa mới của dân tộc Giẻ Triêng tộc người Bhnong

Lễ hội Mừng lúa mới là một lễ hội quan trọng trong đời sống tâm linh của các tộc người thiểu số ở Quảng Nam. Tộc người Bhnong thuộc dân tộc Giẻ Triêng tại huyện Phước Sơn là một trong các tộc người sống trên các vùng núi cao của tỉnh Quảng Nam lưu giữ lễ hội này.

Lễ hội Mừng lúa mới hay còn gọi là Tết mùa của người Bhnong ra đời từ cuộc sống gắn chặt với núi rừng, điều kiện canh tác khó khăn, từ quan niệm “vạn vật hữu linh”. Đây là lễ hội nhằm tạ ơn thần linh về vụ mùa bội thu và cầu mong sự bình yên, no ấm.

Lễ hội thường được tổ chức vào tháng 11 âm lịch khi lúa rẫy đã gặt xong, phơi khô, cất vào kho, kết thúc một vụ mùa sản xuất trong năm. Ngày tổ chức lễ hội do dân làng cùng bàn bạc và thống nhất.

Nghi lễ chính thức được bắt đầu tại nhà làng, do Già làng làm chủ lễ. Lễ cúng đầu tiên là Lễ mời: Khi mâm lễ được bày biện giữa sân làng, Già làng thay mặt cho dân làng cúng Giàng, khấn mời thần linh, ông bà, tổ tiên về vui lễ, hưởng lộc cơm mới, phù hộ cho dân làng làm ăn phát đạt. Rượu cần được rót vào bầu, già làng mang bầu rượu rót vào những chiếc cốc để mời thần linh. Sau cùng là Lễ tạ: Già làng khấn cảm ơn thần linh, tổ tiên đã về dự với con cháu. Mâm lễ này cũng được đặt ngay giữa căn nhà làng để ma làng thưởng thức. Lễ vật dùng để cúng là rượu cần và những món ăn truyền thống được chế biến từ sản vật của nương rẫy, núi rừng do dân làng cùng góp lại. Thông thường lễ vật là trâu, thịt heo, thịt gà, thịt chuột rừng, cá, tôm, cua, cơm mới, bánh ốc, bánh sừng trâu, món ăn từ các loại rau rừng, ...

Kết thúc phần nghi lễ, tiếng trống, tiếng cồng chiêng và các loại nhạc cụ khác nổi lên sôi động. Dân làng cùng nhau ăn uống, nắm tay nhau vui mừng nhảy múa tung bừng. Thường những người trẻ uống rượu, nhảy múa thâu đêm, người lớn tuổi quay về nhà để làm lễ cúng tại gia đình. Sau đó, dân làng kéo đến nhà nhau thăm và chúc tết, thết đãi nhau những món ăn truyền thống, trong đó có những món thịt rừng vừa bẫy được hay món thịt khô nướng chấm muối tiêu rừng. Lễ hội thường được diễn ra trong 10 ngày, ngày thứ chín là một trong 3 ngày chính, cũng là ngày mỗi gia đình đều làm tiệc to để kết thúc lễ hội.

Lễ hội Mừng lúa mới không chỉ để người dân gửi gắm niềm tin, lòng biết ơn mà còn là dịp để người dân quây quần bên nhau vui chơi sau chuỗi ngày lao động vất vả, đồng thời làm tăng sự gắn kết giữa các thành viên trong làng. Ngày nay, dù cuộc sống đã có nhiều thay đổi nhưng người dân Bhnong huyện vùng cao Phước Sơn vẫn duy trì Lễ hội Mừng lúa mới truyền thống của mình, góp sức bảo tồn các giá trị văn hóa độc đáo của đồng bào Bhnong.



Hình 3.6. Người dân Bhnong quây quần gói những chiếc bánh ố, bánh sừng trâu để đãi khách trong ngày hội Tết mùa



Hình 3.7. Vui nhảy múa trong Lễ hội



1. Em hãy nêu nguồn gốc hình thành, thời gian tổ chức và mục đích Lễ hội Mừng lúa mới của tộc người Bhnong ở huyện Phước Sơn.
2. Trình bày các hoạt động trong Lễ hội Mừng lúa mới.
3. Lễ hội có ý nghĩa như thế nào trong đời sống của người Bhnong?

2.2. Lễ hội Cầu Ngư (Lễ tế cá Ông¹):

Lễ hội Cầu Ngư của người dân Quảng Nam có nguồn gốc từ tục thờ cúng cá Ông – một tín ngưỡng cổ truyền của người Chăm, được người Việt tiếp thu trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hoá.

(1) Cá Ông: Danh xưng phổ biến chỉ loài cá voi. Đối với ngư dân, cá Ông là sinh vật thiêng của biển, là vị thần cứu trợ trên biển, vị thần có liên quan đến sự hưng thịnh của vạn chài.

Lễ hội Cầu ngư ở Quảng Nam thường được tổ chức ở hầu hết các làng xã ven biển với thời gian khác nhau tùy theo mỗi địa phương.

Lễ hội gồm một loạt nghi thức theo trình tự nhất định. Nghi lễ đầu tiên là Lễ nghinh Ông còn gọi là nghinh thần. Có nơi thực hiện lễ Nghinh Ông cả dưới nước lẫn trên bờ. Thuyền rước kiệu Ông Nam Hải² được nhiều ghe lớn nhỏ thắp từng ra biển và rước Ông về làng. Sau lễ rước, nghi thức đại lễ tế thần diễn ra trang trọng tại làng Ông. Phần tiếp theo là lễ cúng cá Ông, cúng những bậc tiền nhân có công lập nên làng xã và cuối cùng là cúng âm linh cô bác. Hành lễ là các vị cao niên trong làng. Nội dung văn tế trong đại lễ kể về quá trình hình thành vùng đất quê hương và ý nghĩa thiêng liêng của tục lệ Cầu ngư, ca ngợi công đức của thần, lòng biết ơn và lời cầu xin thần ban cho vạn chài mùa bội thu, thuyền ra khơi xuôi chèo mát mái, khi trở về tôm cá đầy ghe. Lễ cúng kéo dài gần một giờ, sau đó là nghi lễ hát múa bả trạo³.

Chèo hát bả trạo giữ một vị trí quan trọng trong nghi thức lễ hội. Màn múa hát được trình diễn bởi 3 người, được gọi là: Tổng mũi, Tổng thương và Tổng lái cùng các bạn chèo từ 12 đến 20 người (tất cả đều mặc trang phục truyền thống). Khi tiếng trống, tiếng chiêng vang lên, đội chèo hành lễ và trình diễn. Đội hình biểu diễn thể hiện tư thế của người chèo thuyền đưa linh. Phần diễn xướng của Tổng mũi có sử dụng kết hợp lối hát tuồng, hát hò khoan, hát lý, ngâm thơ... Đi liền với phần biểu diễn hát múa là âm thanh của trống chầu, trống cơm, phách, kèn, đờn cò... Nội dung hát múa bả trạo thể hiện lòng thành kính, ngợi ca và tiếc thương đối với cá Ông; sự đồng tâm hiệp lực của bạn chèo vượt qua thử thách nghiệt ngã của thiên nhiên biển cả. Sau nghi thức hát múa bả trạo là hội đua ghe truyền thống dành cho ngư dân các xã trong vùng.

Tùy thuộc vào mỗi địa phương mà Lễ hội Cầu ngư của cư dân miền biển Quảng Nam không hoàn toàn giống nhau về quy mô, cách thức tổ chức. Nhưng hầu hết hoạt động lễ hội ở các nơi đều thu hút đông đảo ngư dân và du khách tham gia. Lễ hội thể hiện ước vọng an lành, may mắn của ngư dân; đồng thời thể hiện tinh thần đoàn kết, tương trợ trong lao động giữa sóng gió đại dương.



Hình 3.8. Ngư dân làng biển Sâm Riêng, xã Tam Quang, huyện Núi Thành, đưa tàu, thuyền ra biển nghinh Ông



Hình 3.9. Nghi thức cúng trang trọng tại làng Ông - xã Tam Tiến, huyện Núi Thành

(2) Ông Nam Hải: Danh xưng tôn kính ngư dân dùng để gọi cá Ông.

(3) Bả trạo: nắm chặt tay chèo (bả: nắm chặt, trạo: chèo).

EM CÓ BIẾT?

Thời gian diễn ra Lễ hội Cầu ngư ở các xã ven biển Quảng Nam:

- Xã Cẩm An, thành phố Hội An: ngày 16–2 và 16–8 âm lịch;
- Xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên: ngày 20–2 và 20–7 âm lịch;
- Xã Bình Hải, huyện Thăng Bình: ngày 15–3 và 20–12 âm lịch;
- Xã Bình Dương, huyện Thăng Bình: ngày 19–2 và 16–8 âm lịch;
- Xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ: ngày 1–4 âm lịch;
- Xã Điện Dương, huyện Điện Bàn: tổ chức vào ngày 24–4 âm lịch;
- Phần lớn các xã ở huyện Núi Thành thường tổ chức vào ngày 20–2 âm lịch. Riêng xã Tam Quang tổ chức vào ngày 1–6.

(Theo Võ Văn Hòe, Hoàng Văn Việt, Bùi Văn Tiếng, *Tập tục, lễ hội đất Quảng*, NXB Đà Nẵng, 2009, tr. 527)



1. Trình bày đặc điểm về nguồn gốc, ý nghĩa của Lễ hội Cầu ngư ở vùng biển Quảng Nam.
2. Nêu ngắn gọn tiến trình Lễ hội Cầu ngư của cư dân vùng biển Quảng Nam.

2.3. Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được.

Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được là lễ hội truyền thống của nhân dân xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, có nguồn gốc từ tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt. Lễ hội nhằm tưởng nhớ công đức của một vị Thần nữ, mà cư dân địa phương cho rằng Bà là người đã linh ứng giúp dân lập nên chợ Được, tạo dựng nơi đây cuộc sống may mắn an lành, trù phú và sầm uất. Theo lệ, hằng năm, Lễ hội được tổ chức vào ngày 11 tháng Giêng âm lịch (ngày địa phương từng đón nhận sắc phong thần nữ⁴ do triều Nguyễn ban cho Bà).

Quy mô lễ hội diễn ra lớn nhỏ mỗi năm có thể khác nhau nhưng vẫn phải gồm các phần chính: Rước sắc, tế lễ, lễ hội, rước cộ.

Phần rước sắc (còn gọi là khoe sắc) được tổ chức vào buổi chiều trước lễ một ngày. Ban khoe sắc tập trung trước sân đền và tiến hành nghinh sắc ra khỏi đền. Hành trình của đám rước phải đi đủ một vòng quanh chợ, qua hết các gian thờ của các gia đình trong chợ rồi quay về đền.

(4) Năm Thành Thái thứ 6 phong sắc “Trung đẳng thần”, năm Khải Định tứ tuần gia phong sắc “Thượng đẳng thần”

Phần tế lễ là lễ chính được tiến hành vào buổi sáng tại đền thờ dưới sự điều hành của ban tế lễ. Với nhiệm vụ khác nhau, mỗi người trong ban cùng tham gia thực hành các nghi thức bái, xướng trước các ban thờ trong đền và ngoài sân. Lễ vật dâng cúng là hương hoa trà quả và đồ chay (gần đây được chuyển sang đồ mặn). Tiếng trống, tiền chiêng điểm hồi, tiếng nhạc bát âm⁵ vang vọng trong suốt quá trình hành lễ tạo bầu không khí tôn nghiêm, trang trọng. Kết thúc lễ tế, các lễ vật được đem mời dân làng và khách cùng hưởng.

Bên cạnh phần lễ, phần hội diễn ra khá sinh động. Đua thuyền là hội chính có sức hấp dẫn và thu hút nhiều người xem nhất. Ban tổ chức lễ hội còn mời thêm các thuyền đua từ các xã/huyện/tỉnh lân cận tham gia. Hội nấu cơm thi dành cho cả nam lẫn nữ cũng là hoạt động không thể thiếu trong phần hội. Ngoài ra, các trò chơi dân gian như bịt mắt bắt vịt, nhảy bao tời, kéo co, ...; biểu diễn bát bội (trong lúc rước Cộ) với những vở tuồng: Thánh Gióng đuổi giặc Ân, Trưng nữ Vương đánh đuổi Hán Tô Định... góp phần tạo nên sắc màu phong phú, sinh động cho Lễ hội.

Lễ rước cộ là nghi lễ cuối cùng tiến hành vào buổi tối ngày 11-1. Cộ được rước từ đền thờ Bà đi một vòng xung quanh chợ cho mọi người chiêm bái. Với sự mở đường của đội Lân, theo sau là các cộ nhỏ của các thôn cùng cờ phướn, tàn lọng và phường bát âm. Kiệu Bà được sơn son thếp vàng, trên phủ lễ phục bằng nhung gấm đỏ. Mở đầu đoàn rước là các cộ hoa. Đi sau đoàn cộ là các bô lão, chức sắc và dân làng. Cộ là hình nộm được làm từ tre, nứa, giấy, vải, sơn màu... tượng trưng các vị thần linh, về sau được thay bằng hình ảnh các anh hùng dân tộc do các em nhỏ trong xã đóng.

Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được thể hiện lòng thành kính đối với các bậc tiền nhân, đồng thời gửi gắm mong ước về cuộc sống an lành, no đủ. Lễ hội còn là sự kết tinh tổng hợp nhiều loại hình nghệ thuật đậm chất dân gian như hội họa, trang trí, tạo hình, diễn xướng.



Hình 3.10. Tế lễ trong Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được



Hình 3.11. Dân làng nô nức trong lễ rước cộ

(5) Bát âm: tám thứ âm sắc do tám loại nhạc khí tạo nên, một loại hình nhạc lễ dân gian.



1. Tóm tắt nội dung chính của Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được bằng sơ đồ (gợi ý: địa phương có lễ hội, thời gian tổ chức, địa điểm tổ chức, phần lễ, phần hội).
2. Trình bày đặc điểm về nguồn gốc, ý nghĩa của Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được.
3. Nhiều loại hình nghệ thuật như hội họa, trang trí, tạo hình, diễn xướng được thể hiện như thế nào trong Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được?

EM CÓ BIẾT?

Truyền thuyết kể rằng: Nữ thần được thờ ở Chợ Được tên Nguyễn Thị Cửa, vốn con nhà khuê các, sinh ngày 25/2 năm Canh Thân (1799) tại làng Phường Chèo, thuộc châu Phiếm Ái (nay là xã Đại Cường, huyện Đại Lộc). Bà có bước đi khác thường, giọng nói sang sảng như tiếng chuông. Nữ thần lại có lòng nhân từ độ lượng, luôn yêu thương kẻ cơ hàn. Bà bốc thuốc chữa bệnh cứu người. Năm Đinh Sửu (1817) bà mất. Dân làng lập đền thờ tại quê nhà. Tuy đã quy tiên nhưng Bà vẫn quan tâm đến người dân lương thiện. Sinh thời, thân thể Bà không có xương, nên khi chết hồn bay khắp nơi rất linh thiêng. Một lần bà giáng qua vùng đất thuộc xã Bình Triều, thấy dân cư nghèo khó, thưa

thớt, Bà linh ứng mách dân sớm lập chợ và đặt tên cho vùng đất là làng Phước Âm. Chẳng bao lâu, chợ thành nơi mua bán sầm uất. Người dân làng Phước Âm nghĩ đến sự tình cờ có một ân huệ được cái chợ và nhiều may mắn thuận lợi nên lấy tên là chợ Được. Để tri ân công đức của Bà, người dân làng Phước Âm đã lập lăng thờ, hằng ngày hương khói. Đặc biệt, tổ chức 2 ngày tế lễ hằng năm (ngày sinh và ngày mất của bà) để cầu an, xin phong sắc.

Để suy tôn và tri ân Bà, không chỉ có Lễ hội Rước cộ Bà chợ Được ở xã Bình Triều, huyện Thăng Bình, mà ở làng Mỹ Phiếm (xã Đại Cường, huyện Đại Lộc), hằng năm tổ chức Lễ hội Bà Phường Chèo.

2.4. Giữ gìn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống ở tỉnh Quảng Nam

Để giữ gìn và phát huy giá trị các lễ hội truyền thống của địa phương, tỉnh Quảng Nam đã có nhiều biện pháp: thực hiện trùng tu, tôn tạo các di tích văn hoá lịch sử- nơi trung tâm diễn ra lễ hội; kết hợp giữa bảo tồn không gian sinh hoạt với giữ gìn di sản tinh thần; kết hợp giữa bảo tồn nguyên trạng và phát triển thay đổi ở những mức độ sáng tạo khác nhau; kết hợp giữa văn hoá tâm linh và hoạt động du lịch mà không mất đi bản sắc của lễ hội; giao việc tổ chức lễ hội dân gian về cho cộng đồng nhân dân, chính quyền tập trung quản lý để lễ hội diễn ra lành mạnh, an toàn, thiết thực.



Hình 3.12. Học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội Nước Oa tái hiện lễ hội Tết mùa



Hình 3.13. Các trẻ em ở xã Bình Triều, huyện Thăng Bình tham gia lễ rước cộ



Hình 3.14. Học sinh Trường PTDTNT THCS Hiệp Đức làm món ăn truyền thống trong buổi tái hiện Lễ hội Mừng lúa mới do nhà trường tổ chức



Hình 3.15. Vui chơi trong lễ rước Thần Nông ở Hội An



1. Những biện pháp nào đã được thực hiện để giữ gìn, phát huy giá trị các lễ hội truyền thống ở tỉnh Quảng Nam?
2. Theo em, các hoạt động tham gia và tái hiện lễ hội của học sinh (thể hiện ở các hình ảnh trên) có ý nghĩa gì trong việc giữ gìn, phát huy giá trị các lễ hội truyền thống ở tỉnh Quảng Nam?

LUYỆN TẬP

1. Em hãy gọi tên lễ hội truyền thống ở Quảng Nam tương ứng với mỗi lời ca, lời khấn sau:

- a) Hôm nay là ngày lễ Ông cuối vụ
Con cháu ta tụ họp về đây
Chỉnh đốn xiêm y trang phục đủ đầy
Để tưởng niệm và tôn kính thần linh Nam Hải, đó nghe !

b) Hàng năm 11 tháng Giêng
Chưng cỗ hát bộ đua thuyền tri ân.

c) ...

Lúc có bắp cho hạt sương sa
Lúc trở bông cho gặp mưa xuống
Làm nương sớm nương mùa cho mảy hạt
Hạt mảy như trứng cua dưới suối
Hạt sáng như ngàn sao

...

Thần linh ơi! Tổ tiên ông bà ơi !

2. Nêu đặc điểm về nguồn gốc, tiến trình, ý nghĩa của các lễ hội truyền thống qua việc hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Tên lễ hội	Nguồn gốc	Tiến trình	Ý nghĩa
Lễ hội Mừng lúa mới			
Lễ hội Cầu ngư			
Lễ Hội Rước cỗ Bà chợ Đước			

3. Quan sát các hình ảnh sau và cho biết các lễ hội truyền thống ở Quảng Nam còn mang lại tiềm năng kinh tế nào cho địa phương ? Vì sao ?



Hình 3.16. Lễ hội Rước cỗ Bà chợ Đước thu hút nhiều người dân và du khách đến xem



Hình 3.17. Người dân và du khách thi kéo co trong Lễ hội Cầu ngư ở Cù Lao Chàm

4. Em sẽ làm gì để góp phần giữ gìn và phát huy lễ hội truyền thống tại Quảng Nam nói chung và tại địa phương em nói riêng.

VẬN DỤNG

- Sưu tầm thêm tư liệu, tranh ảnh về lễ hội truyền thống ở tỉnh Quảng Nam.
- Giới thiệu một lễ hội truyền thống khác ở Quảng Nam mà em yêu thích theo hình thức tự chọn: thuyết trình, vi deo, triển lãm tranh, poster, ...

ĐỊA LÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI, LOGISTICS VÀ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG Ở QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Trình bày được tình hình phát triển các ngành: giao thông vận tải, logistisc và bưu chính viễn thông ở tỉnh Quảng Nam.
- Nhìn nhận đúng đắn xu hướng phát triển, khả năng tạo việc làm từ các ngành dịch vụ nói trên, qua đó góp phần giúp học sinh có những định hướng nghề nghiệp trong tương lai.



MỞ ĐẦU

Hoạt động lưu thông, truyền dẫn “thông tin, hàng hóa, con người” giữa các khu vực trên toàn quốc, giữa nước ta với các nước trên thế giới hiện nay phụ thuộc chủ yếu vào các ngành “giao thông vận tải, logistics, bưu chính viễn thông”. Sự phát triển của các ngành này không chỉ giúp kết nối người dân với doanh nghiệp trong nước mà còn liên kết quốc tế, qua đó kích thích, thúc đẩy kinh tế phát triển.



Hình 4.1: Hình ảnh về giao thông vận tải



Hình 4.2: Hình ảnh về bưu chính viễn thông



Ngành giao thông vận tải, logistics, bưu chính viễn thông ở tỉnh Quảng Nam hiện nay phát triển và phân bố như thế nào?



KIẾN THỨC MỚI

1. Giao thông vận tải

Mạng lưới giao thông vận tải của tỉnh Quảng Nam hiện nay phát triển khá toàn diện, với nhiều loại hình vận tải khác nhau.

a. Đường bộ (ô tô)

Nhờ huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư nên mạng lưới đường bộ của tỉnh đã được mở rộng và hiện đại hóa.

Mạng lưới đường bộ về cơ bản đã phủ kín đến các địa phương trong tỉnh. Tính đến hết năm 2022, toàn tỉnh Quảng Nam có hơn 5.600 km đường bộ, bao gồm 91,3km đường cao tốc, hơn 863km đường quốc lộ, 593,7 km đường tỉnh, hơn 2.109,4 km đường huyện và hơn 2000 km giao thông nông thôn.

Các tuyến đường chính: Các trục dọc Bắc – Nam như quốc lộ 1 A, đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, đường Hồ Chí Minh, đường Đông Trường Sơn và các trục ngang Đông – Tây (QL14G; QL14D, QL14B, QL14E, QL40B, QL24C và QL14H). Các trục này kết hợp với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã tạo nên mạng lưới giao thông khá thuận lợi.

Hiện nay, hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh đã kết nối tuyến hành lang kinh tế Đông – Tây với các nước Lào, Campuchia, Thái Lan...qua cửa khẩu quốc tế Nam Giang - Dak Taook.

Tuy nhiên, mạng lưới đường bộ của tỉnh phân bố chưa đồng đều, chủ yếu tập trung ở phía Đông. Một số tuyến đường đang bị xuống cấp chưa đáp ứng được nhu cầu vận chuyển...



Hình 4.3. Tuyến đường tại khu kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam



Hình 4.4. Tuyến đường ven biển 129 (Võ Chí Công)



Đọc thông tin mục 1.a kết hợp quan sát hình 4.3, 4.4, hãy trình bày tình hình phát triển giao thông đường bộ ở tỉnh Quảng Nam.

b. Đường sắt

Đường sắt chạy qua tỉnh Quảng Nam thuộc tuyến đường sắt Thống Nhất. Đoạn chạy trên địa bàn tỉnh dài 85 km, gần như song song với quốc lộ 1A, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Nhà ga chính đặt tại thành phố Tam Kỳ, ngoài ra còn có ga Nông Sơn, ga Phú Cang (Bình Quý, Thăng Bình), ga Núi Thành (Núi Thành), ga Trà Kiệu (Duy Xuyên)... Nhìn chung chất lượng đường sắt đảm bảo an toàn cho công tác chạy tàu, tuy nhiên các ga chưa được xây dựng hiện đại, chưa đủ tiện nghi.

Theo quy hoạch từ nay đến năm 2050, Quảng Nam có 03 tuyến đường sắt quốc gia qua địa bàn tỉnh: tuyến đường sắt Bắc Nam hiện hữu, tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt kết nối liên vùng và 02 tuyến đường sắt đô thị Đà Nẵng - Hội An, sân bay Chu Lai - Tam Kỳ.



Đọc thông tin trong mục 1.b, hãy trình bày tình hình phát triển giao thông đường sắt ở tỉnh Quảng Nam.

c. Đường sông

Quảng Nam có 941km sông ngòi tự nhiên, đang quản lý và khai thác 307 km sông (chiếm 32,62%), gồm 11 sông chính: Sông Thu Bồn, sông Trường Giang, sông Vu Gia, sông Yên, sông Vĩnh Điện, sông Hội An, sông Cổ Cò, sông Duy Vinh, sông Bà Rén, sông Tam Kỳ và sông An Tân.

Giao thông vận tải đường sông trên địa bàn tỉnh chủ yếu vận chuyển hàng hóa nội địa, hoạt động chủ yếu trên 2 sông: sông Thu Bồn và sông Trường Giang. Hai hệ thống sông này đều đổ ra biển theo 3 cửa: cửa Hàn, Cửa Đại và Kỳ Hà.

Năng lực vận chuyển đường sông thấp, nhiều tuyến sông đang bị thu hẹp dòng chảy, mực nước trên các sông cạn dần do bồi lắng gây khó khăn cho các phương tiện vận tải khi lưu thông.



Đọc thông tin trong mục 1.c, hãy trình bày tình hình phát triển giao thông đường sông ở tỉnh Quảng Nam.

d. Đường biển

Quảng Nam có đường bờ biển dài trên 125 km, dọc bờ biển có các vịnh cửa sông sâu, rộng, kín gió; nằm gần các tuyến đường hàng hải quốc tế... là những điều kiện thuận lợi để Quảng Nam phát triển giao thông đường biển.

Hiện nay, hệ thống cảng Quảng Nam được xây dựng chủ yếu tại cửa sông Trường Giang thuộc huyện Núi Thành với 3 khu bến cảng chính: bến cảng Chu Lai, bến cảng Kỳ Hà, bến cảng Gas và đang đầu tư phát triển thêm các khu bến khác trong khu vực này.



Dựa vào hình 4.7 bản đồ Quảng Nam, hãy xác định vị trí hệ thống cảng biển ở tỉnh ta.

Cảng Quảng Nam là cảng tổng hợp phục vụ đa dạng các nguồn hàng, cảng hiện có thể tiếp nhận tàu 3 vạn tấn với chiều dài trên 170m.

Quảng Nam đang kêu gọi đầu tư tuyến luồng mới Cửa Lở kết nối vào các khu bến Tam Hiệp, Tam Hòa, Tam Giang,... Việc xây dựng tuyến luồng mới Cửa Lở nhằm định hướng phát triển cảng Quảng Nam thành cảng biển loại 1, là trung tâm cảng biển - dịch vụ logistics container không những của miền Trung - Tây nguyên mà còn là đầu mối hàng hoá quan trọng của hành lang Đông - Tây.



Hình 4.5. Tàu HTK CONFIDENCE dài 169m, rộng 27m, có tải trọng hơn 28.000 tấn cập cảng Chu Lai



Hình 4.6. Quy hoạch chi tiết, trong đó có tuyến luồng Cửa Lở - Ảnh: LÊ TRUNG



Đọc thông tin 1.d và quan sát hình 4.5, hình 4.6, hãy trình bày tình hình phát triển giao thông đường biển ở tỉnh Quảng Nam.

e. Đường hàng không

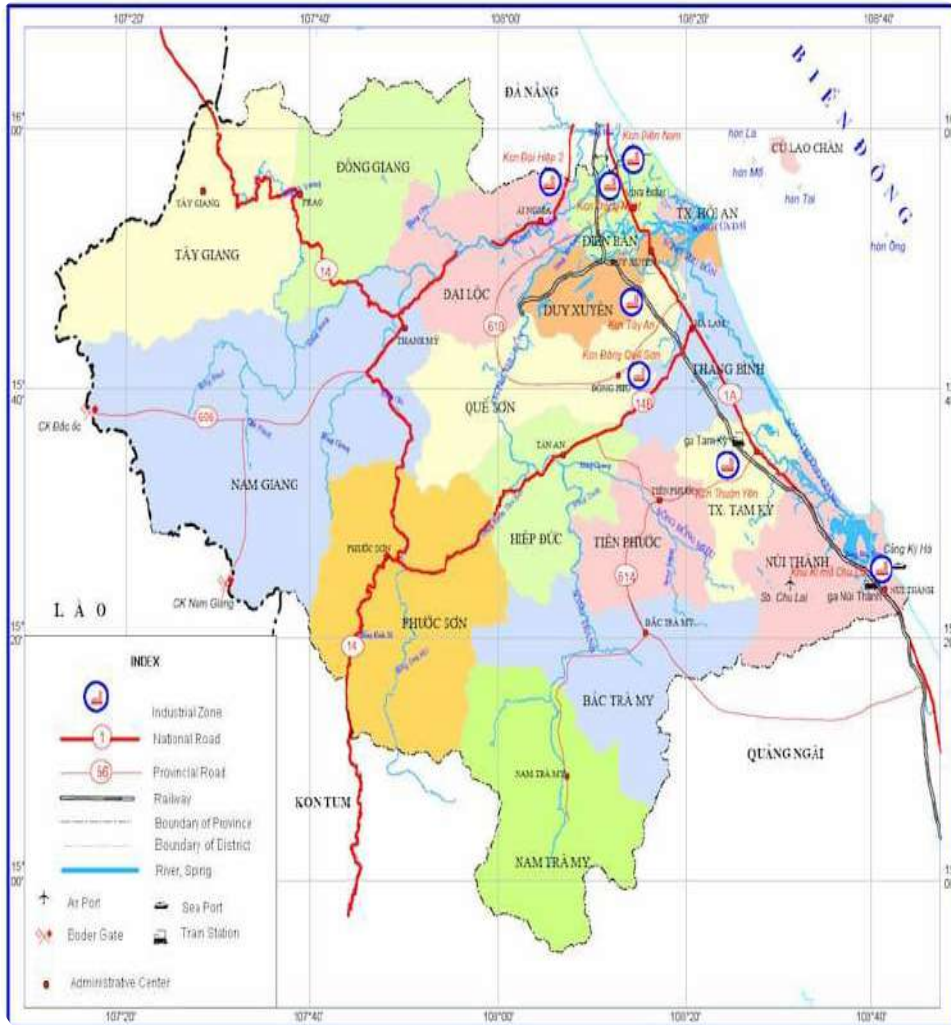
Quảng Nam có 1 sân bay nội địa, có diện tích lớn nhất trong các sân bay Việt Nam với 2.006 ha, nằm trong Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc tỉnh Quảng Nam. Sân bay Chu Lai hiện đang khai thác 2 chặng bay là Sài Gòn - Chu Lai, Hà Nội - Chu Lai và ngược lại. Sân bay hiện có 1 nhà ga hành khách công suất 1,2 triệu lượt khách/năm, cơ sở hạ tầng nhìn chung chưa được đầu tư nhiều.

Theo quy hoạch, đến năm 2030 sân bay Chu Lai sẽ phát triển thành sân bay quốc tế với công suất 5 triệu lượt hành khách và 1,5 triệu tấn hàng hóa mỗi năm.



1. Dựa vào Hình 4.7 bản đồ Quảng Nam, hãy xác định vị trí sân bay Chu Lai ở tỉnh ta.

2. Đọc thông tin 1.e, hãy trình bày tình hình phát triển giao thông đường hàng không tỉnh ta.



Hình 4.7. Bản đồ Quảng Nam

2. Ngành logistics

Ngành Logistics ở Quảng Nam đang trong quá trình xây dựng, phát triển và dần trở thành ngành mũi nhọn trong nền kinh tế của tỉnh. Sự phát triển của ngành đã tạo động lực lớn trong thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Quảng Nam đang hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển ngành dịch vụ logistics.

- Nằm ở vị trí chiến lược trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, án ngữ trên trục giao thông Bắc – Nam, lại gần tuyến đường hàng hải quốc tế, đồng thời là cửa ngõ ra biển đối với các tỉnh Tây Nguyên, Trung và Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Campuchia.

- Hệ thống hạ tầng giao thông được quy hoạch và đầu tư ngày càng bài bản, hoàn thiện hơn hơn. Trên địa bàn tỉnh có cảng biển quốc tế tổng hợp, sân bay Chu Lai, cửa khẩu quốc tế Nam Giang – Dak Taook. Hiện đã kết nối Hành lang kinh tế Đông – Tây với tuyến đường cao tốc, cảng biển, sân bay trên địa bàn tỉnh.

– Kinh tế phát triển, nhu cầu vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không của tỉnh ngày càng tăng nhanh.

Chính những yếu tố này đã tạo điều kiện cho ngành logistics Quảng Nam có những bước phá mạnh mẽ. Từ một hệ thống nghèo nàn, lạc hậu và rời rạc đến nay Quảng Nam đã hình thành được đầu mối logistics và đang được định hướng phát triển thành trung tâm logistics khu vực miền Trung. Tính đến tháng 7.2023 Quảng Nam có 297 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics, đứng thứ 3 trong Vùng kinh tế trọng điểm miền trung.

Trên địa bàn tỉnh đã có hệ thống dịch vụ logistics trọn gói từ khách hàng – xử lý đơn hàng – đóng gói – xếp dỡ container – cảng biển – dịch vụ hỗ trợ – kho bãi - vận chuyển. Điển hình là Công ty Giao nhận – Vận chuyển Quốc tế Trường Hải (THILOGI) cung ứng dịch vụ trọn gói gồm: dịch vụ cảng biển, vận tải biển và vận tải đường bộ.

Tuy nhiên, so với hai đầu đất nước, quy mô dịch vụ logistics của tỉnh còn nhỏ, hạ tầng giao thông còn thiếu đồng bộ, thiếu kết nối, ứng dụng thông tin còn thấp, chi phí logistics của tỉnh vẫn còn khá cao.



Hình 4.8. Mô hình logistics tích hợp, trọn gói của THILOGI giúp khách hàng tiết kiệm chi phí và thời gian



Hình 4.9. THILOGI triển khai vận chuyển xuyên biên giới giúp phát triển giao thương giữa miền Trung Việt Nam với các nước lân cận



Đọc thông tin mục 2, kết hợp quan sát hình 4.8, 4.9, hãy trình bày tình hình phát triển ngành logistics của ở tỉnh Quảng Nam.

3. Ngành bưu chính viễn thông

Trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ cùng với sự bùng nổ thương mại điện tử, ngành bưu chính viễn thông ở Quảng Nam ngày càng có vai trò quang trọng và trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại.

a. Bưu chính

Ngành bưu chính Quảng Nam hiện đang được đầu tư phát triển, đảm bảo ngày càng tốt hơn vai trò kết nối của mình.

Mạng lưới bưu chính của tỉnh đã phát triển rộng khắp, số điểm phục vụ bưu chính ngày càng tăng, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia. Tính đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 13 doanh nghiệp bưu chính được cấp phép hoạt động. Các doanh nghiệp lớn như Vietnam Post, Viettel Post, J&T Express, 247Express có chi nhánh Quảng Nam...hiện đang đóng vai trò nòng cốt cho phát triển mạng lưới bưu chính của tỉnh vươn đến tận hộ gia đình.

Hướng phát triển hiện nay của ngành bưu chính Quảng Nam:

– Hạ tầng bưu chính: phát triển theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số, điển hình như việc xây dựng mã địa chỉ bưu chính Vpostcode, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) để lưu trữ dữ liệu...Tính đến cuối năm 2023, Quảng Nam có hơn 420.000 mã địa chỉ bưu chính Vpostcode, đây là sự khởi đầu cho việc hình thành nên một hạ tầng số để thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành bưu chính.

– Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống, chuyển phát thư, báo sang dịch vụ bưu chính số và dịch vụ hậu cần cho thương mại điện tử.

– Doanh nghiệp bưu chính chuyển dịch theo hướng doanh nghiệp công nghệ, ứng dụng nền tảng Internet vạn vật (IoT); ứng dụng tương tác với khách hàng sử dụng trí tuệ nhân tạo (Chatbots)...

Tuy nhiên, ngành bưu chính ở tỉnh ta vẫn chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp lớn tham gia, các doanh nghiệp hiện tại chậm đổi mới, nguồn nhân lực chưa qua đào tạo bài bản và còn thiếu, yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao được trang bị đủ các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng số.



Đọc thông tin mục 3.a hãy trình bày tình hình phát triển ngành bưu chính tỉnh Quảng Nam.

b. Viễn thông

Hạ tầng viễn thông của tỉnh Quảng Nam trong những năm vừa qua đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ, từng bước đáp ứng vai trò là hạ tầng kinh tế kỹ thuật quan trọng của chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

Mạng lưới viễn thông của tỉnh đang tiến tới phủ sóng toàn diện, bao trùm tới mọi địa phương để tất cả mọi người dân đều được hưởng dịch vụ viễn thông. Tính đến hết năm 2022, toàn tỉnh Quảng Nam có hơn 2.100 trạm thu phát sóng di động (BTS). Đường truyền cáp quang và sóng thông tin di động đã phủ kín đến toàn bộ các xã trên địa bàn tỉnh.

Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong ngành viễn thông của tỉnh ngày càng tăng. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 doanh nghiệp viễn thông, gồm: Viettel Quảng Nam, Mobifone Quảng Nam, Viễn thông Quảng Nam, Trung tâm thông tin di động Toàn cầu (Gtel); Trung tâm Di động khu vực 2 Vietnamobile. Riêng lĩnh vực internet có 4 doanh nghiệp hoạt động gồm: Viettel Quảng Nam, Viễn thông Quảng Nam, FPT Quảng Nam, Chi nhánh SCTV Quảng Nam.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hạn chế. Việc quy hoạch, xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông chưa đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị... Hạ tầng mạng cáp viễn thông chủ yếu sử dụng cột treo cáp, tỷ lệ ngầm hóa còn thấp, lao động đạt chuẩn trình độ còn ít. ...



Hình 4.10. Trung tâm điều hành thông minh (IOC) Quảng Nam



Hình 4.11. Quảng Nam tiếp tục chọn VNPT làm đối tác phát triển viễn thông-công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025. (Ảnh: Vietnam+)



Đọc thông tin 3.b, hãy trình bày tình hình phát triển ngành viễn thông tỉnh Quảng Nam.

LUYỆN TẬP

1. Kể tên các loại hình giao thông vận tải có mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
2. Dựa vào hình 4.12 và kiến thức mục 2, hãy:
 - Xác định tuyến hàng hóa mà công ty THILOGI vận chuyển kết nối qua tuyến hành lang Đông – Tây đến cảng Chu Lai rồi xuất sang các nước bằng đường biển.
 - Trình bày những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành logistics ở tỉnh Quảng Nam hiện nay.



Hình 4.12. THIOLOGI đang kết nối hiệu quả mô hình đường bộ - Cảng Chu Lai - đường biển phục vụ nông sản xuất khẩu

VẬN DỤNG

1. Cho bảng số liệu: Tình hình hoạt động viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2010 – 2021.

(Đơn vị: nghìn thuê bao)

Viễn thông	2010	2015	2019	2021
Thuê bao di động	1073,0	1286,2	1385,4	1203,7
Thuê bao internet	29,4	67,4	232,5	340,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Quảng Nam)

a. Nhận xét tình hình hoạt động viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2010 – 2021.

b. Nhận định “Viễn thông hiện nay không chỉ trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại mà còn có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tiến bộ của mỗi quốc gia”. Hãy cho ví dụ chứng minh nhận định trên.

2. Quan sát hình 4.13, 4.14 kết hợp kiến thức đã học hãy trả lời các câu hỏi sau:

– Việc mua bán hàng hóa trên mạng điện tử (hay còn gọi thương mại điện tử) hiện nay diễn ra ở nước ta như thế nào? Sự phát triển đó đã tác động như thế nào đến ngành bưu chính ở tỉnh Quảng Nam?

– Để trở thành nhân viên của ngành bưu chính viễn thông, hiện nay người lao động cần trang bị cho mình những gì?



Hình 4.13



Hình 4.14

MỘT SỐ NÉT ĐẶC TRƯNG TRONG VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Nhận biết được thế nào là văn hóa giao tiếp của một địa phương/vùng đất.
- Trình bày được một số đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam.
- Xác định cách ứng xử phù hợp, vừa giữ gìn nét riêng trong văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam vừa mở rộng giao lưu, dung hòa với xã hội hiện đại.



MỞ ĐẦU

Văn hóa giao tiếp là nền tảng căn bản của văn hóa nói chung trong mối quan hệ giữa con người với nhau, biểu hiện trong đời sống qua lời nói, việc làm, góp phần hình thành nên tính cách của mỗi cá nhân và bản sắc riêng của một địa phương, dân tộc. Vì vậy, văn hóa giao tiếp chính là tín hiệu “nhận diện” con người của một vùng đất.



Thử hình dung: em có dịp đi xa quê, gặp gỡ giao tiếp với nhiều người ở vùng miền khác nhau và em dễ dàng nhận ra ai đó là người Quảng Nam. Tín hiệu nào giúp em nhận diện được đồng hương?



KIẾN THỨC MỚI

Người Quảng Nam cũng mang đậm những đặc điểm chung về văn hóa giao tiếp của người dân Việt Nam như: lễ phép, trọng tình nghĩa, trọng danh dự; thích giao tiếp, thích thăm viếng, hiếu khách; ưa tìm hiểu, quan sát, đánh giá khi giao tiếp. Qua tìm hiểu các danh nhân lịch sử - văn hóa, qua thơ ca dân gian, các tư liệu lịch sử và quan sát đời sống hằng ngày của người dân, chúng ta có thể nhận thấy người Quảng Nam có những đặc trưng riêng về văn hóa giao tiếp so với các vùng đất khác.

1. Một số nét đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam

1.1. Giọng Quảng Nam

Giọng Quảng Nam truyền thống có âm điệu, sắc thái riêng, tập trung một số lớn những nét khiến cho người ở các tỉnh khác thấy lạ tai và nhận ra đó chính là “tiếng Quảng Nam”. “Giọng Quảng Nam” được nhận diện bởi nhiều đặc điểm nhưng tập trung nhất là về ngữ âm và từ ngữ có tính chất đặc thù.

Về ngữ âm: tiếng Việt có 6 thanh (*sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng và không dấu*) thì tiếng Quảng Nam chỉ có **5 thanh**, riêng thanh ngã được phát âm như thanh hỏi (khi viết thì hỏi và ngã phân biệt rõ ràng). Tiếng Quảng Nam còn có **hiện tượng biến âm**, phát âm một số nguyên âm không giống tiếng phổ thông (*Quảng Nôm - Quảng Nam, tét đèn - tắt đèn, mỳ tôm - mỳ tòm, choa ơi choa – cha ơi cha,...*).

Về từ ngữ: người Quảng Nam thường sử dụng từ bình dân, thuần Nôm, đơn giản, thô mộc; ít sử dụng từ gốc Hán, từ sách vở, bác học. Do vậy khi nghe người ta dễ nhận ra cái thật thà, chất phác, bộc trực, giản dị, tự nhiên của con người xứ Quảng.

Người Quảng Nam sử dụng nhiều từ ngữ địa phương (phương ngữ) mà những tỉnh thành khác không có, như: *ri, hỉ, hung, ngòm, ngủm, dị òm, trớt quớt, bành chát, bá xàm, đầu dẫu, hằm hình, trở trời, lơ bơi, ba nhe, bí rị, nói lung,...*

Trong đặc điểm chung về giọng Quảng, không ít địa phương trong tỉnh còn có nét riêng trong phát âm và sử dụng một số từ ngữ của địa phương đó mà nơi khác trong tỉnh không có. Điều này tạo nên sự đa dạng, phong phú và độc đáo trong ngôn ngữ giao tiếp của Quảng Nam.

Người Quảng Nam coi trọng cách nói ngắn gọn, thường diễn đạt trực tiếp điều muốn nói, không thích nói chữ hay kiểu diễn đạt bóng bẩy; ít sử dụng từ gốc Hán trong giao tiếp hằng ngày. Cách nói này tuy có nhiều ưu điểm nhưng không tránh khỏi hạn chế như vốn từ vựng không phong phú, ngữ điệu không lưu loát, uyển chuyển như người dân vùng Bắc Bộ hay Nam Bộ.



Tìm hiểu và liệt kê thêm một số phương ngữ khác của Quảng Nam? Liệt kê một số từ mà người Quảng Nam hoặc ở địa phương em sinh sống có phát âm không giống với những địa phương khác?

1.2. Tư duy phản biện

“Quảng Nam hay cãi” là câu thành ngữ quen thuộc mà từ lâu người dân cả nước dùng để nhận xét về tính cách hay phản biện trước nhiều vấn đề của con người xứ Quảng. Đó là nét tính cách không chịu tiếp thu thông tin một chiều, thụ động, áp đặt mà chủ động soi xét vấn đề dưới cái nhìn khác, lập luận khác để xác nhận tính đúng sai của nó. Người Quảng Nam càng phản biện quyết liệt hơn trước cái sai, cái bất hợp lý trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Để thuyết phục được người nghe, người Quảng Nam thường nói năng dựa trên cơ sở lí lẽ vững chắc, nặng về lí trí, “nói có sách, mách có chứng” với một tinh thần mạnh mẽ. Lời nói hay trích dẫn thành ngữ, tục ngữ, danh ngôn... cũng được người Quảng ưa dùng để lời nói thêm hàm súc, giàu hình tượng, hấp dẫn và tăng sức thuyết phục.

Không chỉ “hay cãi” mà còn “cãi hay”, người Quảng Nam rất coi trọng thực học để hiểu đạo lí, có kiến thức và nuôi dưỡng một trái tim chính trực, giàu nhiệt huyết. Tính cách phản biện thường gắn liền với tinh thần đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận cái cũ lỗi thời, kìm hãm sự phát triển.



Hình 5.1, 5.2. Người Quảng Nam dễ tiếp thu cái mới, đặc sắc từ nhiều nền văn hóa khác nhau để phát triển

Từ thời phong kiến, Quảng Nam đã nổi tiếng là “đất học” với nhiều người đỗ đạt cao trong các khoa thi và trở thành những nhà Nho, nhà cách mạng có nhiều đóng góp cho quê hương đất nước. “Ngũ tử đăng khoa”¹, “Tứ hổ”², “Tứ kiệt”³, “Ngũ phụng tề phi”⁴ là những biểu trưng rực rỡ một thời cho đất học. Các nhà Nho xứ Quảng đã phá kích liệt lối học tầm chương, khoa cử, giáo điều, học để làm quan; họ chủ trương học để cách tân, cải tạo xã hội, phục vụ tổ quốc. Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Cao Vân, Trần Văn Dư, Lê Cơ, Phan Thúc Duyện, Phan Thành Tài... là những nhà Nho tiêu biểu cho khí chất Quảng Nam với tinh thần phản biện xã hội. Ngày nay tinh thần đổi mới, sáng tạo quyết liệt, mạnh mẽ ấy của tính cách Quảng Nam tiếp tục được thể hiện đậm nét ở những nơi người Quảng sinh sống, làm việc.

(1) 5 anh em ruột cùng đỗ cử nhân, tú tài: Nguyễn Khắc Thân, Nguyễn Chánh Tân, Nguyễn Tu Kỳ, Nguyễn Thành Ý, Nguyễn Tĩnh Cung.

(2) Phạm Như Xương, thủ khoa thi Đình năm 1875; Phạm Phú Thứ đỗ đầu 1/5 Tiến sĩ khoa Quý Mão – Thiệu Trị, 1843; Phạm Liệu đỗ đầu 1/7 Tiến sĩ khoa Mậu Tuất – Thành Thái 10, 1898; Trần Quý Cáp đỗ đầu 1/5 Tiến sĩ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn – Thành Thái 16, 1904.

(3) 4 người đỗ cao trong khoa thi Tân Sửu năm 1901: Nguyễn Đình Hiến, Võ Vĩ, Nguyễn Mậu Hoán, Phan Chu Trinh.

(4) Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn (Tiến sĩ), Ngô Truân, Dương Hiến Tiến (Phó bảng), khoa thi Đình năm Mậu Tuất 1895.

Tính cách “hay cãi” kết hợp với tính bộc trực của người Quảng Nam trong nhiều trường hợp dẫn đến những cuộc tranh luận gay gắt quá mức cần thiết, khó tìm được sự thống nhất để giải quyết vấn đề.

Trong đời sống, phản biện đúng nghĩa phải hướng đến chân lí, có tinh thần xây dựng, dũng cảm bảo vệ cái đúng nhưng cũng cần dũng cảm nhận lỗi khi sai, tránh “cãi lấy được” hay “cãi chày cãi cối”, càng nên tránh “cãi” vì những điều vặt vãnh, tầm thường. Do vậy, tính cách “hay cãi” khi được phát huy tốt, giàu tinh thần xây dựng sẽ có đóng góp quan trọng cho tiến bộ xã hội, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới hiện nay.



Tìm một vài ví dụ cho tính “hay cãi” của người Quảng Nam? Làm thế nào để tính cách này luôn đem lại tác động tích cực trong giao tiếp?

1.3. Thái độ bộc trực, thẳng thắn, chân thành

Người Quảng Nam quan niệm “nói gần nói xa chẳng qua nói thiệt”, cho nên kiểu nói lảng tránh sẽ bị xem là cầu kỳ, không thật lòng. Nói thẳng, nói thẳng vấn đề được xem là chân thành, thẳng thắn. Kiểu nói ngắn gọn vào thẳng vấn đề, có thể bị xem là “suông sã”, “cộc lốc” khó chấp nhận đối với con người ở vùng khác, nhưng với người Quảng là thật thà, đáng tin cậy, tạo nên sự thân mật, dễ gần trong giao tiếp. Đằng sau vẻ “thô thiển” đó là những tâm hồn thuần hậu, chân thành, trọng nghĩa tình và giàu lòng mến khách của người dân Quảng Nam.



Hình 5.3, 5.4. Nhân tình thuần hậu – vẻ đẹp trong văn hóa ứng xử của người Hội An

Trong thời đại công nghệ thông tin, ngôn ngữ giao tiếp cần ngắn gọn, rõ ràng, chứa lượng thông tin cao thì cách nói tường minh của người Quảng Nam là khá phù hợp. Nét tính cách này trong giao tiếp cũng phản ánh phẩm chất đáng quý của con người xứ sở là quyết đoán, không ngại khó ngại khổ, sẵn sàng đối diện trực tiếp thách thức và hành động quyết liệt để đạt mục đích.

Tuy nhiên, với lối nói quá rõ ràng, “nói toạc” vào sự việc, những hành động ngôn ngữ trực tiếp được ưu tiên lựa chọn trình bày làm cho con người nơi đây thiếu mềm mỏng, uyển chuyển. Mặt khác, với tính cách bộc trực, thẳng thắn người Quảng cũng dễ nổi nóng, sẵn sàng “cãi” nếu bất đồng quan điểm hoặc người đối thoại không nói rõ ràng, thẳng thắn như mình. Sự rõ ràng, dứt khoát, thẳng thắn trong tính cách là rất đáng quý nhưng đôi khi đó lại là nguyên nhân dẫn đến sự bất lợi, thậm chí là phiền toái, thất bại cho chính họ.

Tính cách “hay cãi”, bộc trực, thẳng thắn trong giao tiếp, ứng xử không phải chỉ riêng người Quảng Nam mới có hay mỗi người nơi đây đều như vậy, nhưng là những biểu hiện đậm nét, mang tính phổ biến, thậm chí trở thành “thương hiệu” của người Quảng Nam dù họ sinh sống ở đâu trên mọi miền đất nước.



Dân gian có câu “lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. Theo em, làm sao để nói năng “lựa lời” mà vẫn giữ nét đáng quý bộc trực, thẳng thắn?

2. Giữ gìn, phát huy văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam trong bối cảnh hiện nay

Văn hóa giao tiếp được hình thành lâu dài theo tiến trình lịch sử của mỗi cộng đồng, dân tộc. Văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam thể hiện tính cách con người Quảng Nam với nhiều điểm độc đáo, khác biệt với địa phương khác. Giữ gìn, phát huy những nét đẹp đáng quý trong văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam là giữ gìn, phát huy tư duy phản biện, thái độ bộc trực, thẳng thắn, chân thành phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể; đồng thời nhận ra những hạn chế của mình để điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội hiện đại.

Ngày nay, giao lưu và hội nhập là xu thế đang diễn ra mạnh mẽ ở mỗi quốc gia và trên toàn thế giới. Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng Internet, con người có thể tương tác, giao tiếp với nhau mọi lúc, mọi nơi mà không bị giới hạn về không gian địa lý. Đó là cơ hội để mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng phát triển nhưng cũng là thách thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa giao tiếp của địa phương mình.

Văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam hiện nay cũng có nhiều biến đổi đa dạng, phong phú theo sự thay đổi của xã hội. Ngôn ngữ của thế hệ trẻ có xu hướng nhích lại gần với ngôn ngữ toàn dân. Nhiều người vẫn giữ được khí chất Quảng Nam nhưng vẫn rất mềm dẻo, uyển chuyển, linh hoạt trong giao tiếp, ứng xử.

Việc hiểu đúng và đầy đủ hơn những đặc trưng trong văn hóa giao tiếp của địa phương là rất cần thiết, qua đó phát huy những mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực; xây dựng, phát triển văn hóa giao tiếp, ứng xử của con người Quảng Nam thật trong sáng, đẹp đẽ, có sức cảm hóa, lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội, góp phần gìn giữ và làm giàu thêm bản sắc văn hóa, con người, vùng đất Quảng Nam.



Hình 5.5, 5.6, 5.7, 5.8. Nét đẹp trong văn hóa ứng xử học đường Quảng Nam

Bên cạnh việc giữ gìn, phát huy bản sắc địa phương chúng ta không ngừng học hỏi, tiếp thu những giá trị chung của văn hóa giao tiếp: kiến thức sâu rộng, thái độ đúng đắn và kỹ năng tốt. Cần rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, phát âm chính xác, tròn vành rõ chữ, ngữ điệu thích hợp, giọng nói trong sáng, rõ ràng và có sức truyền cảm. Ngoài ra, khi giao tiếp chúng ta còn phải có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe, tôn trọng người khác; chân thành, tế nhị, đồng cảm và chia sẻ; biết nói lời cảm ơn khi được hàm ơn, nói lời xin lỗi khi có lỗi; kết hợp ngôn ngữ hình thể, nụ cười,... phù hợp trong các tình huống giao tiếp.

Mỗi học sinh cần hiểu rõ điều này và không ngừng học tập, rèn luyện, thực hành giao tiếp, ứng xử chuẩn mực trong cuộc sống thường ngày ở gia đình, trường học và xã hội.



1. Ngày nay có nhiều người trẻ Quảng Nam hay dùng từ “ạ” trong mẫu câu giao tiếp của mình (vâng ạ, chứ ạ, anh ạ, con nghĩ vậy ạ,...) mà trước đây hầu như người Quảng không dùng. Em có nhận xét gì về điều này?

2. Em thử nêu một vài ưu điểm và những điều cần được cải thiện, thay đổi của bản thân mình trong giao tiếp, ứng xử ở gia đình, trường học và nơi công cộng.



Hình 5.9, 5.10. Lợi thế của Quảng Nam trong phát triển du lịch và hội nhập

EM CÓ BIẾT?

Sách “Đại Nam nhất thống chí” (do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn) viết về Quảng Nam như sau: “Núi sông hùng vĩ nên con người tư chất thông minh, kẻ sĩ có lòng trung thực, lời nói hiên ngang, thẳng thắn. Tuy thế, đất thì xấu, sông nước chảy xiết nên tính người

hay nóng nảy, ít trầm tĩnh. Chỉ có những người có học vấn uyên thâm mới không bị phong khí ràng buộc”. Cũng trong sách còn ghi: “Đất thì xấu, phong tục thì tiết kiệm nhưng thật thà chất phác, phong thổ tất cả đều như thế”.

LUYỆN TẬP

1. Đọc bài thơ **Hồi xưa tôi đã tỏ tình** của nhà thơ Nguyễn Nhật Ánh và xác định các đặc trưng trong văn hóa giao tiếp Quảng Nam về ngôn từ, giọng điệu, biểu cảm được biểu hiện qua bài thơ.

*Nè mi mới dọn tới bên nhà
Dị òm tau cũng bước chun qua
Ba đi một cặp, răng về kíp?
Mẹ chắc giờ ni ở chỗ bà*

*Mi ở Điện Bàn hay Duy Xuyên
Tết ni không nói chuyện tình duyên
Tết mô mới nói cùng mi hỉ
Không nói mần răng ván đóng thuyền*

*Nói thiệt chớ ai thềm nói lung
Nghĩ chi lạ rứa, tội tau không
Gặp mi bữa nó ưng mi gướm
Cái nhớ mỗi ngày thêm nhớ hung*

*Quà xuân, tau nhét vô trong thụng
Xí nữa gặp mi, tau lấy ra
Còn y nguy đó, răng mà mất
Rủi mất thì tau sắm lại quà...*

2. Em hãy tìm một vài giai thoại/mẫu chuyện nói về tính cách bộc trực, thẳng thắn, giàu nhiệt huyết, tiêu biểu cho tinh thần phản biện xã hội của người Quảng Nam.

3. Trình bày ưu điểm và những hạn chế cần cải thiện trong giao tiếp, ứng xử của học sinh ở trường em đang học và đề xuất giải pháp để xây dựng văn hóa giao tiếp, ứng xử trong trường học thật lành mạnh, thân thiện, góp phần hình thành phẩm chất tốt đẹp của học sinh Quảng Nam trong giai đoạn hiện nay.



VẬN DỤNG

1. Hiện nay có một số nghệ sĩ khai thác nét độc đáo trong văn hóa giao tiếp của người Quảng Nam như một cách để xây dựng thương hiệu cá nhân, phát triển sự nghiệp. Em hãy tìm hiểu về một vài người trong số họ và nhận xét cách sử dụng yếu tố Quảng Nam trong đó.

2. Em cùng nhóm bạn làm 1 clip ngắn giới thiệu về nét đẹp trong văn hóa giao tiếp, ứng xử học đường.

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG Ở TỈNH QUẢNG NAM

Mục tiêu

- Nêu được ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với môi trường ở Quảng Nam.
- Trình bày được nguyên nhân và một số biện pháp nhằm hạn chế tác động của biến đổi khí hậu ở Quảng Nam.
- Có ý thức và hành động phù hợp để góp phần hạn chế tác động của biến đổi khí hậu.



MỞ ĐẦU

Hiện nay, môi trường ở Quảng Nam đang bị tác động mạnh bởi biến đổi khí hậu như: nhiệt độ trung bình tăng cao, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan (bão, lũ lụt, hạn hán, ...). Biến đổi khí hậu đã làm ảnh hưởng xấu đến các hệ sinh thái, hoạt động sản xuất, đời sống kinh tế và xã hội. Vì vậy, chúng ta cần phải có biện pháp để hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu phù hợp với từng địa phương.



Hình 6.1. Sạt lở đất tại huyện Phước Sơn



Hình 6.2. Lũ cô lập nhà dân tại huyện Tây Giang



Hình 6.3. Ruộng lúa bị khô hạn nứt nẻ tại huyện Duy Xuyên



Hình 6.4. Trạm bơm dã chiến được lắp đặt để chống hạn tại huyện Duy Xuyên



Dựa vào những hình ảnh trên và những hiểu biết của mình, em hãy cho biết khi hậu Quảng Nam hiện nay biến đổi như thế nào? Chúng ta cần làm gì để hạn chế tác động của biến đổi khí hậu đó?



KIẾN THỨC MỚI

I. Tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường ở Quảng Nam

1. Nhiệt độ, số ngày nắng nóng tăng cao

- Tăng nguy cơ cháy rừng, giảm đa dạng sinh học.
- Lưu lượng nước ở các lưu vực sông vào mùa khô có xu thế giảm; hạn hán kéo dài gây thiếu nước sinh hoạt, sản xuất, ảnh hưởng đến sinh trưởng của các loài sinh vật.



Hình 6.5. Khu rừng keo ven biển bị cháy khi thời tiết nắng nóng gay gắt



Hình 6.6. Trạm bơm Ái Nghĩa bị cạn nước

2. Mực nước biển dâng cao

- Tăng tình trạng ngập lụt và xâm nhập mặn ở những vùng đất thấp như Hội An, Duy Xuyên, Thăng Bình, ... ảnh hưởng đến khả năng sinh trưởng và năng suất cây trồng, vật nuôi; suy giảm sản lượng và chất lượng thủy sản, diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp.
- Thay đổi môi trường sống của các loài sinh vật; mùa vụ, cơ cấu cây trồng và vật nuôi.



Hình 6.7. Ngập lụt tại thành phố Hội An

3. Thay đổi lượng mưa và độ ẩm

– Lượng mưa lớn, mưa tập trung làm gia tăng thiên tai như lũ ống, lũ quét ở các huyện miền núi (Phước Sơn, Nam Trà My, Tây Giang, ...); sạt lở đất ở vùng đồi núi, ven sông, ven biển (bờ sông Thu Bồn, Vu Gia; bờ biển Cửa Đại, ...); ngập lụt cục bộ ở các vùng đồng bằng (Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Tam Kỳ, ...) đã ảnh hưởng đến các hệ sinh thái, rừng phòng hộ.

– Độ ẩm tăng cao tạo điều kiện cho các vi sinh vật có hại phát triển mạnh gây ra dịch bệnh cho con người: sốt xuất huyết, sốt rét,...; sâu bệnh, dịch bệnh phá hoại cây trồng, vật nuôi ngày càng tăng.



Hình 6.8. Sạt lở bờ kè biển tại thành phố Hội An



Hình 6.9. Làng rau Bàu Tròn bị ngập nước ở Đại Lộc

4. Các cơn bão, lốc xoáy xuất hiện với tần suất và cường độ tăng bất thường tác động xấu đến môi trường sống của sinh vật, con người.



Hình 6.10. Cây xanh bị ngã gãy do bão Noru



Hình 6.11. Lốc xoáy làm hỏng mái Trường THCS Phan Bá Phiến, Núi Thành

Biến đổi khí hậu đã và đang làm thay đổi các yếu tố khí hậu ở nước ta: nhiệt độ; lượng mưa; các hiện tượng thời tiết khí tượng, thủy văn cực đoan như bão, lũ quét, ngập lụt, hạn hán, lốc xoáy, nước biển dâng, xâm nhập mặn, ... Qua đó, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái, hoạt động sản xuất và đời sống con người.



Dựa vào các hình ảnh và thông tin mục I, em hãy nêu những tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường ở Quảng Nam.

II. Nguyên nhân và biện pháp hạn chế tác động của biến đổi khí hậu ở Quảng Nam

1. Nguyên nhân

Các hoạt động của con người như: đốt nhiên liệu hóa thạch, sử dụng phương tiện giao thông, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, ... đã thải ra môi trường nhiều khí nhà kính (CO_2 , CH_4 , N_2O , CFC...) làm bề mặt đất nóng lên. Đây là nguyên nhân chính gây nên biến đổi khí hậu.

2. Biện pháp

Để ứng phó với biến đổi khí hậu chúng ta cần thực hiện đồng bộ biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

a) Biện pháp góp phần giảm nhẹ biến đổi khí hậu

– Sử dụng tiết kiệm năng lượng: Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, lựa chọn sử dụng những sản phẩm tiết kiệm điện...

– Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo: tăng cường khai thác và sử dụng năng lượng từ nguồn năng lượng mặt trời:

+ Sản xuất điện năng lượng mặt trời (điện mặt trời mái nhà).

+ Sử dụng các thiết bị bằng năng lượng mặt trời (đèn LED, máy nước nóng, ...).

– Sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên nước: nguồn tài nguyên nước hiện nay đang bị khan hiếm, nhiễm mặn và ô nhiễm nặng nên cần nâng cao ý thức người dân sử dụng tiết kiệm và giữ gìn nguồn nước sạch.

– Giảm thiểu, xử lý và tái chế rác thải, chất thải để góp phần bảo vệ môi trường.

– Bảo vệ rừng, trồng và bảo vệ cây xanh giúp tăng khả năng hấp thu các khí nhà kính.



Hình 6.12. Đoàn thanh niên Điện lực Quảng Nam tuyên truyền tiết kiệm điện



Hình 6.13. Hệ thống điện mặt trời tại Quảng Nam



Hình 6.14. Người dân ở đảo Tam Hải, Núi Thành nhận nước sạch



Hình 6.15. Sản phẩm khuyến tai tái chế từ túi nilon



Hình 6.16. Người mẫu khuyết tật trình diễn áo dài bằng vải vụn tại Hội An



Hình 6.17. Lễ phát động trồng cây gây rừng tại Tam Quang, Núi Thành

b) Biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu

– Trong sản xuất nông nghiệp:

+ Nghiên cứu, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng thích ứng với bối cảnh của biến đổi khí hậu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng.

+ Nâng cấp hệ thống thủy lợi để cung cấp nước vào mùa khô, hạn chế tác động của xâm nhập mặn.

– **Trong công nghiệp:** Ứng dụng các thành tựu của khoa học công nghệ vào sản xuất để vừa tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vừa tạo sản phẩm có chất lượng tốt.

– **Trong dịch vụ:** Nghiên cứu các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp với biến đổi khí hậu ở địa phương như phát triển du lịch sinh thái rừng dừa nước Bảy Mẫu ở Hội An; rừng dừa nước ở Tích Tây, Tam Nghĩa, Núi Thành, ...

Ngoài ra, mỗi chúng ta cần phải nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; rèn luyện các kỹ năng ứng phó với thiên tai; tích cực tham gia vào các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu ở địa phương.



Hình 6.18. Duy Xuyên chuyển đổi trồng lúa kém năng suất sang trồng ngô và đậu bắp



Hình 6.19. Quảng Nam nâng cấp hệ thống thủy lợi



Hình 6.20. Rừng dừa nước ở Tam Nghĩa, Núi Thành



Hình 6.21. Học sinh Quảng Nam tham gia bơi lội để phát triển kỹ năng phòng chống đuối nước



Dựa vào thông tin ở mục II, em hãy nêu một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Quảng Nam?



LUYỆN TẬP

1. Nêu những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với môi trường ở địa phương em.
2. Những hình ảnh nào sau đây thể hiện biện pháp giảm nhẹ tác động biến đổi khí hậu?



Hình 6.22. Sử dụng đèn đường bằng năng lượng mặt trời



Hình 6.23. Trồng keo lá trà thay thế rừng tự nhiên



Hình 6.24. Xây dựng các tuyến đê ở bờ biển Hội An



Hình 6.25. Người dân đốt cháy rơm rạ sau thu hoạch lúa

3. Nêu các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương em.

VẬN DỤNG

1. Chia sẻ những biện pháp nhằm giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu ở xã/phường/thị trấn của em.

2. Em cùng các bạn thực hiện một trong các hoạt động sau: sưu tầm tranh ảnh, thiết kế poster, làm video, viết bài, thực hiện một hành động cụ thể, ... để ứng phó với biến đổi khí hậu tại Quảng Nam.

**DANH SÁCH HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG
TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM LỚP 9**

Hình	Trang	Nguồn	Hình	Trang	Nguồn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung:

Thiết kế và chế bản:

Sửa bản in:

Bản quyền thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Giáo dục Đà Nẵng giữ quyền công bố tác phẩm.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NAM - LỚP 9

Mã số: - ĐTD

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

In tại:

Địa chỉ:

Số ĐKHH xuất bản:

Số QĐXB: /QĐ - GD ngày ... tháng ... năm 2024

Mã số ISBN:

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2024.